

Số : /KH-BDT

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật
về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 533/UBND-PC ngày 03/4/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 (Hội thi).

Thực hiện Công văn số 1797/UBND-KGVX ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025. Trong đó, UBND tỉnh giao cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh đoàn và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Hội thi.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Ban Dân tộc ban hành Kế hoạch tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết về lĩnh vực công tác dân tộc; tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; đẩy mạnh việc tìm hiểu pháp luật bằng hình thức sân khấu hóa, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Hội thi là một trong những hoạt động tuyên truyền nhằm góp phần đưa chủ trương, chính sách pháp luật vào thực tế cuộc sống và thực hiện có hiệu quả Chương

trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030.

Thông qua Hội thi thúc đẩy giao lưu học hỏi, tăng cường sự hiểu biết, đoàn kết của đồng bào các dân tộc, chia sẻ kinh nghiệm hay, mô hình hoạt động hiệu quả, phù hợp của các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và tỉnh Bình Phước với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên và một số tỉnh Miền Trung.

2. Yêu cầu

Hội thi phải bảo đảm khách quan, công bằng, đúng quy chế, thể lệ cuộc thi.

Hội thi phải thiết thực, hiệu quả, với hình thức sáng tạo, sinh động, tạo không khí hào hứng, hấp dẫn, thu hút được đông đảo Nhân dân tham gia theo dõi Hội thi. Gắn Hội thi với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chính sách dân tộc, công tác dân tộc trong tình hình mới.

Trong quá trình triển khai thực hiện cán bộ, công chức thuộc cơ quan công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh bám sát các quy định của Hội thi, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh có liên quan để triển khai tổ chức thực hiện thành công các hoạt động của Hội thi cấp huyện, cấp tỉnh, chuẩn bị đội thi tham gia Hội thi cấp khu vực do Ủy ban Dân tộc tổ chức phải đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. NỘI DUNG HỘI THI

1. Đối tượng, thành phần tham gia Hội thi

- Đối tượng là cán bộ, công chức làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, văn hóa, xã hội, thông tin, truyền thông, cán bộ thôn, ấp (thôn) như: Chi ủy chi bộ; Ban công tác Mặt trận; Trưởng, phó trưởng thôn; Hội Phụ nữ; Đoàn Thanh niên; Người có uy tín; người nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 01 đội thi; Đội thi có từ 15 đến 20 người để tham dự Hội thi cấp tỉnh: Đội trưởng, đội phó và các thành viên đoàn do UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn và quyết định.

- Đội của tỉnh lựa chọn các đội thi đảm bảo tham dự Hội thi khu vực Tây Nguyên và một số tỉnh Miền Trung do Ủy ban Dân tộc chủ trì tổ chức tại tỉnh Phú Yên đảm bảo cơ cấu đối tượng, thành phần theo quy chế và nội quy của Ban Tổ chức quy định.

2. Nội dung

Tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được ban hành theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; những quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của đồng bào như: *phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới; phát huy vai trò của nhân dân trong bảo vệ quốc phòng, an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái; các chính sách, pháp luật khác liên quan trực tiếp đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.*

3. Hình thức

Hội thi được tổ chức theo hình thức sân khấu hóa, gồm 4 phần thi:

- Phần 1. Thi màn chào hỏi.
- Phần 2. Thi trắc nghiệm.
- Phần 3. Thi tình huống.
- Phần 4. Thi tiểu phẩm.

4. Bộ đề thi – đáp án

Xây dựng bộ đề thi dựa trên cơ sở tham khảo ngân hàng đề thi của Ủy ban Dân tộc, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Thời gian tổ chức Hội thi: Tổ chức 01 ngày - Hoàn thành trước ngày 31/10/2024 (Dự kiến ngày 10/10/2024).

III. Thành lập đội tham dự Hội thi cấp Khu vực:

Kết thúc Hội thi cấp tỉnh, Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh chọn từ 01 đến 02 đội đạt giải cao nhất (hoặc chọn lựa chọn phần thi xuất sắc của mỗi đội) tại Hội thi cấp tỉnh để luyện tập tham dự Hội thi cấp Khu vực do Ủy ban Dân tộc tổ chức tại tỉnh Phú Yên, dự kiến tổ chức quý IV/2024.

IV. KINH PHÍ

Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giao năm 2024 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; nguồn kinh phí hợp pháp khác, nguồn kinh phí xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ban Dân tộc và các sở, ban, ngành, hội đoàn thể của tỉnh tại Công văn số 1797/UBND-KGVX ngày 14/5/2024, Ban Dân tộc đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp tổ chức thực hiện, như sau:

1. Ban Dân tộc

- Là cơ quan thường trực tổ chức Hội thi; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai tổ chức Hội thi theo kế hoạch.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan thành lập Ban Tổ chức Hội thi gồm: Lãnh đạo Ban Dân tộc là Trưởng Ban Tổ chức; mời đại diện lãnh đạo: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông làm Phó Ban Tổ chức; mời đại diện lãnh đạo các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh có liên quan tham gia làm thành viên Ban Tổ chức và thành viên Ban giám khảo Hội thi; tham mưu thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi; tham mưu ban hành Thẻ lệ, quy chế Hội thi, cơ cấu giải thưởng và các văn bản hướng dẫn đảm bảo theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai tổ chức Hội thi cấp huyện.

- Chủ trì xây dựng dự toán tổ chức Hội thi cấp tỉnh và dự toán tham dự Hội thi cấp khu vực do Ủy ban Dân tộc tổ chức gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tuyên truyền và tham mưu huy động khán giả tham gia xem, theo dõi Hội thi cấp tỉnh.

- Thành lập đội thi cấp tỉnh tham gia Hội thi cấp khu vực, chỉ đạo, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn đội thi cấp tỉnh tổ chức tập luyện tốt để tham gia Hội thi cấp khu vực đạt kết quả.

2. Đề nghị Sở Tư pháp

- Cử công chức là Lãnh đạo cơ quan tham gia làm Phó ban Tổ chức, thành viên ban giám khảo và phối hợp với Ban Dân tộc tổ chức thành công Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025.

- Chỉ đạo tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật nói chung, tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng gắn với triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; góp phần tham gia Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024-2025 đạt kết quả.

3. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh, công thông tin điện tử tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức các hoạt động truyền thông trước, trong và sau Hội thi.

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia Ban Tổ chức, Ban giám khảo Hội thi.

4. Đề nghị Sở Tài chính

- Thực hiện thẩm định, quyết toán kinh phí tổ chức hội thi theo quy định.

5. Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Phối hợp, chỉ đạo chuẩn bị hội trường, âm thanh, ánh sáng, đèn led, trang trí sân khấu đảm bảo tổ chức Hội thi.

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia Ban Tổ chức Hội thi, Ban giám khảo Hội thi.

6. Đề nghị Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và báo Bình Phước

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền trên các kênh truyền hình, hệ thống truyền thanh trong tỉnh, Báo Bình Phước điện tử và các nền tảng mạng xã hội về Hội thi cấp huyện, cấp tỉnh; cử MC dẫn chương trình và tổ chức tuyên truyền quảng bá chương trình.

- Phối hợp thực hiện Chương trình truyền hình trực tiếp Hội thi các tỉnh Khu vực do Ủy ban Dân tộc tổ chức tại tỉnh Phú Yên ở Đài Phú Yên.

- Cử đại diện lãnh đạo tham gia Ban Tổ chức Hội thi.

7. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn

- Phối hợp cử đại diện lãnh đạo tham gia Ban Tổ chức Hội thi, Ban giám khảo Hội thi.

8. Đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, phối hợp với Ban Dân tộc triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp cử đại diện lãnh đạo tham gia Ban Tổ chức, Ban Giám khảo Hội thi (khi có đề nghị).

9. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ hướng dẫn tại mục 1 Công văn số 533/UBND-PC ngày 03/4/2024 của Ủy ban Dân tộc, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương:

- Xây dựng Kế hoạch Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn; thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ thư ký Hội thi cấp huyện. Chủ động bố trí kinh phí hoặc cân đối nguồn vốn sự nghiệp được giao năm 2024 từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để bố trí tổ chức Hội thi cấp huyện thực hiện hoàn thành trước 31/8/2024.

- Chỉ đạo, hướng dẫn đội thi cấp huyện tham gia Hội thi cấp tỉnh đảm bảo thời gian theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025. Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kế hoạch phối hợp với Ban Dân tộc triển khai, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc; | báo
- UBND tỉnh; | cáo
- Lãnh đạo Ban;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT, TTĐB.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Số: /QĐ-BDT

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi Tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 tỉnh Bình Phước.

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước;

Thực hiện Kế hoạch 36/KH-BDT ngày 27/6/2024 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 tỉnh Bình Phước, gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ban Tổ chức Hội thi:

- Ông Nguyễn Lương Nhân, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh - Trưởng ban.

- Bà Nguyễn Thị Thắm, Trưởng phòng Tuyên truyền và Địa bàn, Ban Dân tộc - Thành viên.

- Ông Nguyễn Minh Trí, Chánh Văn phòng, Ban Dân tộc - Thành viên.

Mời các ông (bà) có tên sau tham gia Ban Tổ chức:

- Ông Nguyễn Trọng Trí, Phó Giám đốc Sở Tư pháp - Thành viên.

- Ông Nông Hồng Thức, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông - Thành viên.

- Ông Nguyễn Khắc Vĩnh, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thành viên.

- Ông Phan Văn Thảo, Phó Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước - Thành viên.

- Bà Lê Thị Thái Thanh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Thành viên.

- Bà Đặng Thị Mỹ Lành, Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Phong trào Tỉnh đoàn - Thành viên.

2. Ban Giám khảo Hội thi:

- Ông Nguyễn Lương Nhân, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh - Trưởng ban.

Mời các ông (bà) có tên sau tham gia Ban Giám khảo:

- Ông Phan Văn Thảo, Phó Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước - Thành viên.

- Ông Ngô Quốc Huy, Trưởng phòng Pháp chế, Sở Tư pháp - Thành viên.

- Bà Vũ Thị Tuyết, Trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Thành viên.

- Bà Kiều Thanh Giang, Phó Trưởng Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thành viên.

- Bà Vũ Thị Hồng Loan, Trưởng phòng Công tác Thanh thiếu nhi Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh - Thành viên.

- Bà Khúc Nguyễn Ngọc Vinh, Chuyên viên Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông - Thành viên.

3. Tổ thư ký Hội thi:

- Bà Nguyễn Thị Thắm, Trưởng phòng Tuyên truyền và Địa bàn - Tổ trưởng.

- Ông Huỳnh Quốc Cường, Chuyên viên Phòng Tuyên truyền và Địa bàn, Ban Dân tộc tỉnh - Thành viên.

- Bà Bùi Thị Thoa, Chuyên viên Văn phòng, Ban Dân tộc - Thành viên.

- Bà Trần Ngọc Thu Hà, Nhân viên Phòng Tuyên truyền và Địa bàn, Ban Dân tộc tỉnh - Thành viên.

Điều 2: Ban Tổ chức Hội thi có nhiệm vụ:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức Hội thi theo Kế hoạch.

2. Ban hành Thể lệ Hội thi và câu hỏi, đáp án của Hội thi, phê duyệt kết quả chấm thi.

3. Báo cáo kết quả Hội thi.

Điều 3: Ban Giám khảo có trách nhiệm tổ chức chấm thi, trình kết quả chấm thi để Ban Tổ chức phê duyệt, công bố kết quả theo Thể lệ Hội thi.

Điều 4: Tổ thư ký có trách nhiệm giúp Ban Tổ chức, Ban Giám khảo chuẩn bị toàn bộ các nội dung liên quan đến Hội thi, tổng hợp kết quả chấm thi, thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Tổ chức, Ban Giám khảo.

Điều 5. Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ban Dân tộc, Trưởng phòng Tuyên truyền và Địa bàn; các cơ quan, đơn vị có liên quan; các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (để B/c)
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng;
- Lưu: VT, TTĐB.

TRƯỞNG BAN

Số: /QĐ-BTC

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế, Thể lệ Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025

BAN TỔ CHỨC HỘI THI

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 533/UBND-PC ngày 03/4/2024 của Ủy ban Dân tộc về tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Căn cứ Công văn số 1797/UBND-KGVX ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh về tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 36/KH-BDT ngày 27/6/2024 của Ban Dân tộc về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-BDT ngày 11/9/2024 của Trưởng Ban Dân tộc về việc thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Tổ Thư ký Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế, Thể lệ Hội thi Tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tuyên truyền và Địa bàn Ban Dân tộc; thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp, Sở TTTT, Sở VH-TDL, Đài PT-TH và Báo BP, Hội LHPN tỉnh, Tỉnh Đoàn;
- Như Điều 2;
- Các phòng;
- Lưu: VT, TTĐB.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

PHÓ TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

QUY CHẾ, THẺ LỆ
Hội thi Tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc
tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025

I. Quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương thức tổ chức thực hiện Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Ban Thư ký, các đội thi và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến Hội thi.

2. Mục đích, yêu cầu Hội thi

- Mục đích: Nhằm góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết về lĩnh vực công tác dân tộc, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức vùng dân tộc thiểu số, đẩy mạnh việc tìm hiểu pháp luật bằng hình thức sân khấu hoá, phù hợp với phong tục tập quán, văn hoá truyền thống vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Thúc đẩy giao lưu học hỏi, tăng cường sự hiểu biết, đoàn kết của đồng bào, chia sẻ kinh nghiệm hay, mô hình hoạt động có hiệu quả, phù hợp của các xã, huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh để nhân rộng trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Yêu cầu: Hội thi phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, đúng quy chế, thẻ lệ này.

II. Đối tượng, nội dung, hình thức, thời gian tổ chức Hội thi

1. Đối tượng

Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, cộng tác viên xã hội cấp xã; Bí thư Chi bộ, Phó Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố (gọi chung là thôn); Trưởng thôn, Phó thôn; Bí thư, Phó Bí thư Đoàn thanh niên thôn; Chi hội trưởng, Chi hội Phó Chi hội phụ nữ thôn; Ban công tác mặt trận thôn; Người có uy tín, già làng tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Người kinh doanh, sản xuất giỏi, người tiêu biểu... trên địa bàn cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2021- 2025.

2. Nội dung

Các chủ đề pháp luật mang tính thời sự, liên quan thiết thực đến thực thi pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được ban hành theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, những quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của đồng bào DTTS như:

phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới; phát huy vai trò của nhân dân trong bảo vệ quốc phòng, an ninh, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái; Các chính sách, pháp luật khác liên quan trực tiếp đến vùng đồng bào DTTS và miền núi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Hình thức, thời gian tổ chức Hội thi

Hội thi bằng hình thức sân khấu hóa, được diễn ra tập trung trong 01 ngày, các phần thi trực tiếp trên sân khấu, theo phương thức các đội thi bốc thăm số thứ tự dự thi. Số thứ tự dự thi của mỗi đội bốc thăm được sẽ là thứ tự dự thi của đội đó trong từng phần thi.

III. Điều kiện, tiêu chuẩn, thành phần đội thi

1. Mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 01 đội tham gia Hội thi cấp tỉnh.
2. Thành phần đội thi: Mỗi đội thi gồm 20 người (tính cả trưởng đoàn), đảm bảo tỷ lệ nam, nữ không được chênh lệch quá 30% tổng số người trong đội thi, tỷ lệ thành viên là người dân tộc thiểu số từ 50% trở lên. Có năng khiếu về ca, múa, kịch, có khả năng diễn đạt trước đám đông... có kiến thức pháp luật, xã hội để tham dự Hội thi.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định thành lập đội thi tham gia Hội thi cấp tỉnh trên cơ sở lực lượng nòng cốt là đội thi có thành tích xuất sắc nhất trong Hội thi cấp huyện do địa phương tổ chức. Trong danh sách ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, dân tộc, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có), địa chỉ, gửi về Ban Dân tộc tỉnh, cơ quan thường trực Hội thi cấp tỉnh.

IV. Nội quy Hội thi

1. Các đội dự thi phải tập trung đúng giờ và thực hiện các phần thi theo đúng thời gian quy định của Ban Tổ chức Hội thi. Nếu đội thi tập trung chậm quá 15 phút sẽ bị loại khỏi Hội thi. Khi đến lượt thi, nếu đội thi đến chậm quá 05 phút sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi của lượt thi đó.
2. Thành viên các đội thi phải có tên đúng với danh sách đã đăng ký với Ban Tổ chức và đeo số báo danh do Ban Tổ chức cung cấp. Trường hợp đột xuất có sự thay đổi thành viên đội thi, yêu cầu có văn bản gửi Ban Tổ chức trước thời gian khai mạc Hội thi. Thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, thành viên các Đội thi trong thời gian thi phải đeo thẻ do Ban Tổ chức cấp phát.
3. Các đội thi đều có trách nhiệm bảo vệ tài sản chung của đội mình cũng như của đội bạn; giữ gìn vệ sinh chung trong suốt thời gian tham gia Hội thi.
4. Trong thời gian thi, thành viên các Đội thi không được sử dụng điện thoại di động, thiết bị thu, phát tin, không mang theo tài liệu lên sân khấu. Nếu Ban Giám khảo phát hiện có thành viên nào vi phạm thì đội sẽ bị trừ 50% điểm của phần thi đó.
5. Trong Hội thi, các đội thi phải tuyệt đối chấp hành sự điều hành, hướng dẫn của Ban Tổ chức Hội thi.

V. Nguyên tắc chấm thi, thang điểm, cách tính điểm, căn cứ xếp hạng các đội thi

1. Nguyên tắc chấm điểm

Đảm bảo khách quan, trung thực, công bằng, đúng thang điểm, bảng điểm.

Chấm điểm theo thang điểm, làm tròn đến 0,5 điểm đối với mỗi phần thi.

2. Cách chấm điểm

Mỗi thành viên Ban Giám khảo chấm điểm cho đội dự thi vào một phiếu điểm theo ba-rem của Ban Tổ chức, ký và ghi rõ họ, tên sau đó chuyển cho Tổ Thư ký để tổng hợp. Kết quả điểm thi của từng đội là điểm trung bình cộng theo kết quả chấm thi của các thành viên Ban Giám khảo cho đội thi ở các phần thi.

Điểm từng phần thi của đội thi là điểm theo thang điểm Ban Tổ chức quy định sau khi đã trừ điểm theo quy định.

3. Thang điểm và hình thức thi cụ thể

Các đội thi tham gia 4 phần thi với tổng số điểm tối đa là **100 điểm**.

3.1. Phần thứ nhất: Thi chào hỏi (tối đa 20 điểm)

- *Nội dung*: Mỗi đội tham gia dự thi tùy theo khả năng, sở trường lựa chọn một hình thức (*thuyết trình, giới thiệu, thơ ca, hò vè...*) nhằm truyền tải được chủ đề của Hội thi, giới thiệu về địa phương, đơn vị mình, nêu rõ ý nghĩa, kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, những hiệu quả của công tác này gắn với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của địa phương, đơn vị mình.

- *Thời gian*: Mỗi đội thi thể hiện phần thi không quá 05 phút (không kể thời gian chuẩn bị, thời gian chuẩn bị không quá 30 giây).

- *Chấm điểm*:

+ Nội dung đúng theo yêu cầu: 10 điểm

+ Diễn xuất hay, hấp dẫn: 05 điểm

+ Trang phục, đạo cụ đẹp, phù hợp: 05 điểm

+ Trừ điểm khi quá thời gian: Mỗi 20 giây quá thời gian trừ 01 điểm, trừ tối đa không quá 02 điểm.

- *Số lượng*: Mỗi đội cử tối thiểu $\frac{1}{2}$ số thành viên Đội thi tham gia phần thi này (tối đa 100% thành viên Đội thi).

3.2. Phần thứ hai: Thi trắc nghiệm kiến thức (tối đa 20 điểm)

- *Hình thức thi và chấm điểm*:

+ Mỗi đội cử đại diện 05 thành viên trong đội tham gia phần thi.

+ Tất cả các đội tham gia thi sẽ cùng trả lời bộ câu hỏi trắc nghiệm kiến thức gồm 05 câu hỏi với các phương án trả lời A, B, C, D (trong đó có 01 phương án đúng) được đọc và chiếu lên màn hình. Sau khi người dẫn chương trình đọc xong câu hỏi và các đáp án, các đội sẽ có 05 giây suy nghĩ để lựa chọn đáp án

đúng. Khi có hiệu lệnh kết thúc thời gian suy nghĩ, các đội đưa cao bảng chọn đáp án đúng (hoặc A, hoặc B, hoặc C, hoặc D) về phía trước để Ban Giám khảo ghi nhận kết quả.

- Mỗi câu trả lời đúng được 04 điểm, trả lời sai không được điểm.

3.3. Phần thứ ba: Thi trả lời tình huống (tối đa 20 điểm)

- *Hình thức thi:* Mỗi đội cử tối đa 10 thành viên lên sân khấu và bốc thăm trả lời 01 câu hỏi tình huống. Sau khi người dẫn chương trình (MC) đọc câu hỏi tình huống, các đội có 10 giây hội ý. Hết thời gian hội ý, mỗi đội cử đại diện một thành viên trả lời câu hỏi, các thành viên khác có quyền bổ sung câu trả lời tình huống của đội mình. Thời gian trả lời câu hỏi tình huống tối đa là 03 phút. (không kể thời gian hội ý, thời gian hội ý không quá 10 giây).

- *Thang điểm:* Trả lời đúng, đủ ý được tính 15 điểm, liên hệ thực tế địa phương phù hợp với câu hỏi được 05 điểm. Trả lời sai không được điểm. Các thành viên khác có quyền bổ sung câu trả lời tình huống của đội mình (nếu còn thời gian). Nếu quá thời gian quy định thì cứ mỗi 10 giây, bị trừ 01 điểm.

+ Các đội thi được quyền đề nghị thay đổi câu hỏi tình huống nhưng bị trừ 05 điểm.

3.4. Phần thứ tư: Thi Tiểu phẩm tuyên truyền (tối đa 40 điểm)

- *Nội dung:* Tìm hiểu các quy định pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc; nêu gương những cán bộ, cộng đồng, người dân tiêu biểu trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật có tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo; chia sẻ kinh nghiệm của địa phương về tổ chức triển khai thực hiện chương trình MTQG, những cách làm hay, mô hình hiệu quả, phù hợp với vùng dân tộc thiểu số và miền núi để nhân rộng...

- *Hình thức:* Sân khấu hóa. Các tiểu phẩm được thể hiện bằng các loại hình như: thơ, ca, hò, vè, tiểu phẩm... hoặc các hình thức nghệ thuật, sân khấu phù hợp khác; khuyến khích các đội sử dụng âm nhạc truyền thống và hình thức nghệ thuật, sân khấu của địa phương.

- *Thời gian:* Tối đa 10 phút (không kể thời gian chuẩn bị; thời gian chuẩn bị không quá 30 giây).

- *Chấm điểm:*

+ Ý tưởng kịch bản sát thực tế, đúng chủ đề: 10 điểm.

+ Ý nghĩa thông điệp truyền tải: 10 điểm.

+ Diễn xuất tốt, lời thoại rõ ràng: 10 điểm.

+ Trang phục và đạo cụ: 10 điểm.

+ Trừ điểm khi quá thời gian: Mỗi 30 giây quá thời gian trừ 02 điểm.

- Số lượng thành viên của đội tham gia vòng thi này tùy theo nội dung kịch bản xây dựng, nhưng không vượt quá số thành viên của đội thi.

4. Căn cứ xếp hạng và trao giải là tổng điểm cả 04 phần thi của các đội tính từ đội có số điểm cao nhất. Các đơn vị tham gia hết 04 phần thi sẽ được tính điểm

toàn đoàn. Điểm toàn đoàn của Hội thi là tổng số điểm mà đơn vị đó đạt được trong mỗi phần thi. Đơn vị nào có tổng số điểm cao hơn sẽ xếp hạng cao hơn. Nếu các đơn vị có số điểm toàn đoàn bằng nhau thì căn cứ theo tổng số giải nhất, nhì, ba và khuyến khích. Đơn vị nào nhiều giải nhất hơn sẽ xếp trên, nếu bằng nhau sẽ xét theo thứ tự đến giải nhì, giải ba và giải khuyến khích.

V. Cơ cấu giải thưởng

1. Giải thưởng các phần thi: (4 phần thi)

- 04 giải Nhất: 1.500.000đ/giải
- 04 giải Nhì: 1.000.000đ/giải
- 08 giải Ba: 800.000đ/giải
- 12 giải Khuyến khích: 500.000đ/giải

2. Giải toàn đoàn:

- 01 giải Nhất: 7.000.000đ
- 01 giải Nhì: 5.000.000đ
- 01 giải Ba: 3.000.000đ
- 03 giải Khuyến khích: 1.500.000đ
- 01 Giải phụ cho đội cổ động viên nhiệt tình nhất: 500.000đ

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐỘI THI

1. Nghiên cứu kỹ các chính sách pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, trọng tâm là Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến đời sống của đồng bào như: Phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo vệ quốc phòng, an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái; các chính sách, pháp luật khác liên quan trực tiếp đến vùng đồng bào DTTS & MN, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Thành viên các đội dự thi mặc trang phục phù hợp với tính chất của nội dung tuyên truyền (không gây phản cảm), sử dụng ngôn ngữ phổ thông. Ban Tổ chức khuyến khích các thí sinh dự thi là cán bộ, công chức, người dân người dân tộc thiểu số mặc trang phục của dân tộc mình.

3. Các đội thi và thí sinh dự thi thực hiện nghiêm việc giữ gìn vệ sinh chung (nơi tập luyện, sân khấu, hành lang... của Hội trường nơi diễn ra Hội thi).

4. Các đội dự thi phải tham gia đủ 4 phần thi; tham dự đầy đủ tại buổi khai mạc và bế mạc Hội thi, về dự thi đúng thành phần đã đăng ký, đúng thời gian và địa điểm quy định; chấp hành nghiêm túc Thể lệ, Nội quy, quy định về thời gian và chương trình Hội thi đề ra; có mặt tại hội trường để cổ vũ cho các đội thi khác.

5. Phần thi xử lý tình huống thí sinh tuyệt đối không mang theo tài liệu, các thiết bị công nghệ cao. Nếu vi phạm, tùy từng trường hợp, Ban tổ chức sẽ trừ điểm hoặc hủy kết quả thi phần đó.

VII. Quy định chung

1. Trong quá trình tham dự Hội thi, nếu đội nào có ý kiến thắc mắc về những nội dung liên quan thì phải cử đại diện của đội hoặc đội trưởng phản ánh ngay với Ban tổ chức Hội thi để giải quyết kịp thời.

2. Các khiếu nại về Hội thi (nếu có) cần được phản ánh về Ban Tổ chức ngay sau khi công bố điểm, Ban Tổ chức chỉ giải quyết khiếu nại của các Đội thi trong vòng 20 phút kể từ khi công bố điểm sau mỗi vòng thi. Quyết định của Ban Tổ chức là Quyết định cuối cùng có giá trị thi hành. Sau thời gian quy định nêu trên, Ban Tổ chức không xem xét, giải quyết bất kỳ khiếu nại nào.

3. Quy chế này được phổ biến tới tất cả các cơ quan, đơn vị có đội dự thi và toàn thể các thí sinh dự thi.

4. Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Ban Thư ký, các đội thi và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Ban tổ chức Hội thi để xem xét, giải quyết./.

Số: 49 /QĐ-BTC

Bình Phước, ngày 24 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ đề thi - đáp án Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HỘI THI

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt Bộ đề thi - đáp án Hội thi tìm hiểu chính sách, pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc khu vực và toàn quốc;

Căn cứ Công văn số 533/UBND-PC ngày 03/4/2024 của Ủy ban Dân tộc về tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Căn cứ Công văn số 1797/UBND-KGVX ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh về tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 36/KH-BDT ngày 27/6/2024 của Ban Dân tộc về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-BDT ngày 11/9/2024 của Trưởng Ban Dân tộc về việc thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Tổ Thư ký Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Bộ đề thi - đáp án Hội thi tìm hiểu pháp luật lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025, (Bộ đề thi - đáp án gồm phần thi trắc nghiệm và phần thi tình huống kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà): thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận: *kt*

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Ban Dân tộc;
- Cơ quan CTDT cấp huyện;
- Các phòng thuộc BDT;
- Lưu: VT, TTĐB.

**TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Lương Nhân

PHÓ TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

BỘ ĐỀ THI - ĐÁP ÁN
Hội thi tìm hiểu chính sách, pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc
Tỉnh Bình Phước năm 2024 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng 9 năm
2024 của Ban Tổ chức Hội thi)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì trường phổ thông dân tộc bán trú phải đảm bảo ít nhất bao nhiêu phần trăm tỉ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số?

- A. 45 %
- B. 50 %
- C. 55 %
- D. 60 %

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 3, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú, ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023).

Câu 2: Theo quy định của Luật bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi năm 2014 thì mức hưởng bảo hiểm y tế của người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn là bao nhiêu phần trăm chi phí khám chữa bệnh?

- A. 70 %
- B. 80 %
- C. 95 %
- D. 100 %

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 22 Luật bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi năm 2014)

Câu 3: Theo quy định tại Thông tư 58/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 13/06/2017 về hỗ trợ tài chính, ngân sách nhà nước nộp bảo hiểm thay cho các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số ở vùng núi, thời hạn tối đa là bao nhiêu năm đối với một người lao động?

- A. 5 năm

- B. 7 năm
- C. 9 năm
- D. 11 năm

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Điều 4 Thông tư 58/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 13/06/2017 về hỗ trợ tài chính, ngân sách nhà nước nộp bảo hiểm thay cho các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số ở vùng núi)

Câu 4: Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, đất giao cho người dân tộc thiểu số sử dụng trong thời hạn bao lâu thì được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất?

- A. 5 năm
- B. 10 năm
- C. 9 năm
- D. 15 năm

Trả lời: B là đáp án đúng

(khoản 3 Điều 192 Luật Đất đai 2013)

Câu 5: Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà văn hóa dân tộc, đoàn ca, múa nhạc dân tộc; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc, duy tu bảo tồn bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc là ngành, nghề ưu đãi đầu tư loại nào theo nghị định 31/2021/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn của Luật đầu tư 2020.

- A. Ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư
- B. Ngành nghề ưu đãi đầu tư
- C. Ngành nghề ưu đãi đầu tư khi nhà đầu tư là cá nhân thuộc dân tộc thiểu số rất ít người.
- D. Ngành nghề ưu đãi đầu tư khi nhà đầu tư là cá nhân thuộc dân tộc thiểu số ít người.

Trả lời : A là đáp án đúng.

(Phụ lục II, A.IV.9 nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật đầu tư 2020.)

Câu 6: Ông A đăng thông báo tuyển dụng lao động, trong thông báo có ghi chú “không tuyển người dân tộc thiểu số”. Hành vi phân biệt đối xử này của ông

A theo Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định mức bị xử phạt như thế nào?

- A. 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng
- B. 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng
- C. 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng
- D. 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Đáp án: C là đáp án đúng.

(khoản 2, Điều 8 của Nghị định 12/2022/NĐ-CP)

Câu 7: Tảo hôn là gì?

- A. Việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- B. Việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng.
- C. Việc lợi dụng kết hôn để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích xây dựng gia đình.
- D. Việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn.

Đáp án: D là đáp án đúng

(Căn cứ Khoản 8 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 8: Hành vi trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nào?

- A. Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;
- B. Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- C. Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo quy định tại Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)

Câu 9: Người nào sau đây có quyền dùng tiếng nói của dân tộc mình (không phải là tiếng Việt) trong tố tụng hình sự?

- A. Người tham gia tố tụng không biết tiếng Việt;

B. Người tham gia tố tụng không biết tiếng Việt, người tham gia tố tụng là người dân tộc thiểu số biết tiếng Việt nhưng không muốn sử dụng tiếng Việt;

C. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

D. Tất cả những người trên đều có quyền dùng tiếng nói của dân tộc mình, trường hợp này phải có phiên dịch.

Đáp án: B là đáp án đúng

(Theo Điều 29 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2021)

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 8 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010)

Câu 10. Bình đẳng giới được hiểu như thế nào?

A. Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.

B. Việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

C. Là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

D. Nam, nữ phải bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo khoản 3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 11: Việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung của vợ, chồng được quy định như thế nào trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014?

A. Chồng có quyền cao hơn vợ.

B. Vợ có quyền cao hơn chồng.

C. Do vợ, chồng thỏa thuận.

D. Người nào có công nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung thì có quyền cao hơn.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 12: Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng đối với trường hợp nào dưới đây?

A. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự;

B. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự;

C. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự;

D. Người nghiện ma túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Điều 92 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Câu 13: Các hành vi nào sau đây là hành vi bị nghiêm cấm?

A. Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.

B. Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

C. Bạo lực gia đình.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 14: Các hành vi nào sau đây là hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động?

A. Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.

B. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

C. Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2019)

Câu 15: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mức cho vay tối đa đối với đối

tượng vay vốn hỗ trợ đất ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

- A. 25 triệu đồng/hộ.
- B. 30 triệu đồng/hộ.
- C. 40 triệu đồng/hộ.
- D. 50 triệu đồng/hộ.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Điều 11 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, mức cho vay không vượt quá 50 triệu đồng/hộ)

Câu 16: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì lãi suất cho vay đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ đất ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

- A. Bằng 3%/năm.
- B. Bằng 3,96%/năm.
- C. Bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
- D. Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Theo Điều 13 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, lãi suất cho vay bằng 3%/năm)

Câu 17: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì mức cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

- A. 25 triệu đồng/hộ.
- B. 30 triệu đồng/hộ.
- C. 40 triệu đồng/hộ.

D. 50 triệu đồng/hộ.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Theo Điều 17 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, mức cho vay không vượt quá 40 triệu đồng/hộ)

Câu 18: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì thời hạn cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

- A. 05 năm.
- B. 10 năm.
- C. 15 năm.
- D. 20 năm.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Theo Điều 18 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, thời hạn cho vay tối đa là 15 năm)

Câu 19: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì lãi suất cho vay đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ đất sản xuất tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

- A. Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
- B. Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
- C. Bằng lãi suất cho vay hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.
- D. Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Theo Điều 25 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ

năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ)

Câu 20: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì đối tượng vay vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý phải đáp ứng đủ các điều kiện nào?

A. Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án đầu tư và sử dụng vốn vay để tham gia Dự án vùng trồng dược liệu quý, Dự án trung tâm nhân giống dược cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

B. Được Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

C. Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

D. Tất cả các đáp án trên.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Điều 27 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 21: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì mức cho vay tối đa đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

A. 500 triệu đồng.

B. 01 tỷ đồng.

C. 1,5 tỷ đồng.

D. 02 tỷ đồng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo khoản 2 Điều 35 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, mức cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/khách hàng)

Câu 22: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì đối tượng nào được vay vốn hỗ trợ phát

triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Ngân hàng Chính sách xã hội? Chọn đáp án đúng.

A. Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

B. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là phụ nữ người dân tộc thiểu số.

C. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh).

D. Hộ nghèo, hộ cận nghèo; doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Điều 32 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 23: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì thời hạn cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu.

Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu? Chọn đáp án đúng:

A. Bằng lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

B. Bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

C. Bằng lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

D. Bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ)

Câu 24: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì thời hạn cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

- A. 05 năm.
- B. 10 năm.
- C. 15 năm.
- D. 20 năm.

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Theo Điều 30 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, thời hạn cho vay tối đa là 10 năm)

Câu 25. Mức hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số hiện nay là bao nhiêu?

- A. Một triệu đồng/người
- B. Hai triệu đồng/người
- C. Ba triệu đồng/người
- D. Bốn triệu đồng/người

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 2, Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số).

Câu 26. Đối tượng được hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số là đối tượng nào trong những trường hợp dưới đây?

A. Phụ nữ là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú ở khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn

B. Phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú ở khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn

C. Phụ nữ là người Kinh thuộc hộ nghèo, cư trú ở khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn

D. Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú ở đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 1, Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số)

Câu 27. Hãy cho biết thế nào là một nhà tiêu hợp vệ sinh?

A. Là nhà tiêu bảo đảm cô lập được phân người, ngăn không cho phân chưa được xử lý tiếp xúc với động vật, côn trùng.

B. Có khả năng tiêu diệt được các mầm bệnh có trong phân, không gây mùi khó chịu.

C. Không làm ô nhiễm môi trường xung quanh.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điểm 3.2 Mục 3 Phần I của Quy chuẩn Việt Nam 01: 2011/BYT ban hành theo Thông tư số: 27/2011/TT - BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

Câu 28. Theo ông/bà, thế nào là nước sạch để sử dụng cho mục đích sinh hoạt?

A. Nước sạch là nước hợp vệ sinh.

B. Nước sạch là nước trong, không màu, không mùi, không vị.

C. Nước sạch là nước máy đã qua xử lý.

D. Nước sạch là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Khoản 7 Điều 2, Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch).

Câu 29. Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Mọi hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, chia rẽ, phá hoại đoàn kết các dân tộc.
- B. Lợi dụng các vấn đề về dân tộc để tuyên truyền xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- C. Lợi dụng việc thực hiện chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- D. Tất cả các hành vi trên.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Căn cứ Điều 7 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc).

Câu 30: Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm những hành vi nào dưới đây?

- A. Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi.
- B. Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em.
- C. Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới tính, năng lực của thành viên gia đình.
- D. Tất cả phương án trên

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 31: Pháp luật quy định tháng nào là tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình?

- A. Tháng 5
- B. Tháng 6
- C. Tháng 7
- D. Tháng 8

Đáp án: B là đáp án đúng

(Theo Điều 7 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình được tổ chức vào tháng 6 hằng năm để thúc đẩy hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình và tôn vinh giá trị gia đình).

Câu 32: Bình đẳng giới gia đình bao gồm các nội dung nào?

A. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình; bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

B. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

C. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

D. Tất cả các phương án trên

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 18 Luật Bình đẳng giới 2006).

Câu 33: Theo quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

A. Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới;

B. Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức;

C. Bạo lực trên cơ sở giới;

D. Tất cả các hành vi trên.

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 10 Luật Bình đẳng giới 2006).

Câu 34. Quyền của cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình được quy định như thế nào?

A. Được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà

nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

B. Được tăng lương, khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

C. Được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình.

D. Được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

Đáp án: A là đáp án đúng

(Theo Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022).

Câu 35: Đối tượng nào dưới đây được hưởng chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP)?

A. Sinh một hoặc hai con

B. Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

C. Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

D. Tất cả các trường hợp trên

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 1. Tại Nghị định 39/2015/NĐ-CP Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số).

Câu 36: Phương án nào dưới đây là biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân?

A. Người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.

B. Công việc của người vợ là nội trợ gia đình và chăm sóc con cái, quyết định các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình.

C. Vợ, chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trong việc quyết định các công việc của gia đình.

D. Người vợ quyết định việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình)

Câu 37: Theo quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thể dục, thể thao quy định “Ngân sách Nhà nước ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc”. Nội dung ưu tiên là gì?

A.

- Hỗ trợ tổ chức hoạt động thể dục thể thao quần chúng;
- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên thể dục thể thao;
- Tuyên truyền, hướng dẫn tập luyện các môn thể thao;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm thể thao vùng, khu vực;
- Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

B.

- Tuyên truyền, hướng dẫn tập luyện các môn thể thao;
- Hỗ trợ tổ chức các giải thể thao thành tích cao;
- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên thể dục thể thao;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm thể thao vùng, khu vực;
- Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

C.

- Hỗ trợ tổ chức hoạt động thể dục thể thao quần chúng;
- Đào tạo đội ngũ huấn luyện viên thể thao;
- Tuyên truyền, hướng dẫn tập luyện các môn thể thao;

- Xây dựng các thiết chế thể dục thể thao cơ sở;
- Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

D.

- Hỗ trợ tổ chức hoạt động thể dục thể thao thành tích cao;
- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên thể dục thể thao;
- Tuyên truyền, hướng dẫn tập luyện các môn thể thao;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm thể thao vùng, khu vực;
- Gìn giữ và phát huy giá trị các môn thể thao dân tộc.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thể dục, thể thao)

Câu 38: Theo quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, Chính sách phát triển TDTT vùng đồng bào các dân tộc thiểu số là gì?

A.

1. Bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, định kỳ tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao các dân tộc theo từng khu vực hoặc từng dân tộc ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện ở vùng các dân tộc thiểu số.

B.

1. Bảo tồn và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của các dân tộc.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện thể dục thể thao ở vùng dân tộc thiểu số.

C.

1. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện ở vùng các dân tộc thiểu số.

2. Khôi phục và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

D.

1. Bảo tồn, phát huy các môn thể dục, thể thao truyền thống ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện ở vùng các dân tộc thiểu số.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 14 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc).

Câu 39: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì mức chi tối đa hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa - thể thao xã và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là bao nhiêu?

A. 60 triệu đồng/năm

B. 50 triệu đồng/năm

C. 40 triệu đồng/năm

D. 30 triệu đồng/năm

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Khoản 3, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính)

Câu 40: Mục tiêu đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đến năm 2025, có bao nhiêu phần trăm (%) số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới?

A. 80%

B. 90%

C. 95%

D. 99%

Đáp án đúng: D là đáp án đúng

(Theo nội dung thành phần số 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ có nêu rõ mục tiêu: Đến năm 2025, có 99% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới).

Câu 41: Theo quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn

I: từ năm 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 có bao nhiêu dự án thành phần của Chương trình?

- A. 6
- B. 8
- C. 10
- D. 12.

Đáp án đúng: C là đáp án đúng

(Theo mục III, tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021).

Câu 42: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025, mục tiêu đề ra về số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng là bao nhiêu phần trăm (%)?

- A: 50%
- B: 60%
- C: 70%
- D: 80%

Trả lời: **D là đáp án đúng**

(Theo Điểm a, mục 2. Phần I Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025).

Câu 43: Theo quy định của Nghị định 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, cá nhân đang nắm giữ, thực hành loại hình di sản văn hóa phi vật thể Tập quán xã hội và tín ngưỡng muốn đề nghị xét tặng danh hiệu thì nộp hồ sơ tới cơ quan nào?

- A. Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- B. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- C. Sở Công Thương
- D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Khoản 1 Điều 12 quy định: Cá nhân đề nghị xét tặng tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú).

Câu 44: Theo quy định của Luật Du lịch năm 2017, thể hướng dẫn viên du lịch tại điểm do cơ quan nào sau đây cấp?

- A. Ban quản lý khu, điểm du lịch.
- B. Sở Du lịch/Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch.
- C. Tổng cục Du lịch.
- D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Theo điểm c khoản 2 Điều 58 Luật Du lịch)

Câu 45: Theo Luật Điện ảnh năm 2022, ngân sách nhà nước bảo đảm bao nhiêu phần trăm chi phí tổ chức phổ biến phim ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số?

- A. 50%
- B. 60%
- C. 80%
- D. 100%

Trả lời: D là đáp án đúng

(Căn cứ Khoản 2, Điều 23, Luật Điện ảnh năm 2022, mức hỗ trợ là 100%)

Câu 46: Theo Luật Điện ảnh 2022, đâu là nội dung quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh?

- A. Quảng bá phim Việt Nam, môi trường hoạt động điện ảnh, hệ sinh thái sản xuất phim, bản sắc văn hóa, đất nước, con người Việt Nam.
- B. Xây dựng, quảng bá thương hiệu điện ảnh quốc gia, vùng, địa phương, doanh nghiệp; nghiên cứu, phát triển thị trường điện ảnh trong nước và nước ngoài.
- C. Tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về điện ảnh, góp phần bảo đảm môi trường hoạt động điện ảnh an toàn, lành mạnh và văn minh.
- D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Điều 37, Luật Điện ảnh 2022).

Câu 47: Theo Nghị định 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh, Nhà nước quy định như thế nào về việc sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình sử dụng ngân sách nhà nước?

A. Đối với phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đối với các dự án sản xuất phim theo kế hoạch nhiệm vụ chính trị về đề tài lịch sử, cách mạng, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc, trẻ em, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam.

B. Đối với phim truyện, phim kết hợp nhiều loại hình thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với các dự án sản xuất phim theo kế hoạch nhiệm vụ chính trị về đề tài lịch sử, cách mạng, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc, trẻ em, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

C. Đối với phim truyện, phim kết hợp nhiều loại hình thực hiện phương thức đấu thầu đối với các dự án sản xuất phim theo kế hoạch phục vụ nhiệm vụ chính trị về đề tài bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam.

D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Điều 7, Nghị định 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh)

Câu 48: Theo Thông tư 05/2023/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định tiêu chí phân loại phim và thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo, đâu là tiêu chí về chủ đề, nội dung trong việc đánh giá phân loại phim?

A. Không gây nhận thức sai lệch về các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục, quan hệ gia đình, xã hội; dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; quyền trẻ em, phân biệt đối xử và các chỉ đề nhạy cảm, ngụ ý, ẩn dụ.

B. Ngôn ngữ phân biệt đối xử, vi phạm quyền con người.

C. Hành vi bạo lực thể hiện trong phim được miêu tả hài hước, cường điệu hoặc giả tưởng; mục đích miêu tả nhằm lên án hành vi bạo lực, kết quả thể hiện sự tích cực, phê phán, loại trừ cái ác, cái xấu.

D. Tính thực tế của các tình huống, sự hiện diện của trẻ em, phụ nữ trong các cảnh bạo lực, các cảnh ngược đãi động vật.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Khoản 3, Điều 3, Thông tư 05/2023/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định tiêu chí phân loại phim và thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo)/.

Câu 49: Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành, có bao nhiêu dân tộc có khó khăn đặc thù?

- A. 14 dân tộc.
- B. 24 dân tộc.
- C. 34 dân tộc.
- D. 44 dân tộc.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

Câu 50: Hợp tác xã phải có ít nhất bao nhiêu thành viên? (Theo Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012)

- A. 5 thành viên
- B. 7 thành viên
- C. 9 thành viên
- D. 11 thành viên

Trả lời: B là đáp án đúng (7 thành viên).

(Theo Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012).

Câu 51: Để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân, Hội Nông dân phối hợp với các bộ, ngành và UBND các cấp về những nội dung nào sau đây?

- A. Tham gia tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.
- B. Tham gia góp ý kiến vào dự thảo văn bản pháp luật và kiến nghị hoàn thiện pháp luật.
- C. Tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật; tham gia thực hiện Quy chế dân chủ, trợ giúp pháp lý; hòa giải cơ sở.
- D. Cả 3 phương án trên

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 5, Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các bộ, ngành, UBND các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân).

Câu 52: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì mục tiêu cụ thể về giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2025 được quy định như thế nào?

- A. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 1%;
- B. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%;
- C. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 5%;
- D. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 7%;

Đáp án: B là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 53: Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021 – 2025 cả nước có bao nhiêu xã khu vực III?

- A. 1.351 xã.
- B. 1.451 xã.
- C. 1.551 xã.
- D. 1.651 xã.

Trả lời: C là đáp án đúng (1.551 xã).

(Quyết định 861-QĐ/TTg ngày 04/6/2021 của thủ tướng Chính phủ)

Câu 54: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn hiện nay được quy định như thế nào?

A. Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 1.500.000 đồng trở lên và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

B. Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

C. Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

D. Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Căn cứ điểm a khoản 2 điều 3 Nghị định 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025)

Câu 55: Nông nghiệp thông minh là gì?

A. Nền nông nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới, với các quy trình, máy móc hiện đại từ khâu sản xuất đến khâu tiêu dùng.

B. Nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất, bảo đảm sản phẩm an toàn, công nghệ quản lý, nhận diện sản phẩm gắn với hệ thống trí tuệ nhân tạo.

C. Nền nông nghiệp tự động hóa sử dụng trí tuệ nhân tạo, thay thế toàn bộ lao động thủ công trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

D. Nền nông nghiệp ứng dụng các công nghệ tiên tiến trên thế giới, cho năng suất và chất lượng sản phẩm đạt ở các mức cao nhất.

Trả lời: B là đáp án đúng.

Câu 56: Sàn giao dịch thương mại điện tử là gì?

A. Website thương mại điện tử cho phép các thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu hoặc người quản lý website có thể tiến hành bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên đó.

B. Website thương mại điện tử cho phép các thương nhân, tổ chức cá nhân có thể tiến hành bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên đó.

C. Website thương mại điện tử của các thương nhân, tổ chức, cá nhân có thể tiến hành bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên đó.

D. Hệ thống các gian hàng của các thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu hoặc người quản lý website có thể tiến hành bán hàng hoặc cung ứng dịch vụ trên đó.

Trả lời: A là đáp án đúng

Câu 57: Chuyển đổi số trong nông nghiệp là gì?

A. Việc ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp.

B. Việc sử dụng ứng dụng công nghệ nông nghiệp thông minh QR-Code để tăng tính minh bạch trong quy trình truy xuất nguồn gốc.

C. Việc minh bạch thông tin từ quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản đến tiêu dùng.

D. Việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tích hợp sản xuất nông nghiệp ở vùng canh tác, nuôi trồng đến người tiêu dùng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

Câu 58: Truy xuất nguồn gốc sản phẩm là gì?

A. Là giải pháp cho người tiêu dùng truy xuất, tìm hiểu về thông tin nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.

B. Là việc truy ngược từ sản phẩm đang được bày bán trên kệ hàng về nơi sản xuất ban đầu, rà soát từng công đoạn trong chế biến và phân phối.

C. Là việc sử dụng công nghệ (điện thoại thông minh, internet...) giúp người tiêu dùng tìm hiểu toàn bộ thông tin liên quan đến sản phẩm: nhà sản xuất, nơi sản xuất và quy trình sản xuất từ nguyên liệu đến thành phẩm.

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

Câu 59: Theo Luật Hợp tác xã 2023, trường hợp nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng đáp ứng các tiêu chí thụ hưởng chính sách thì ưu tiên lựa chọn tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nào?

A. Số lượng thành viên, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện nhiều hơn;

B. Có phụ nữ làm quản lý, có nhiều thành viên là nữ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ hơn;

C. Số lượng thành viên là đồng bào dân tộc thiểu số nhiều hơn;

D. Hoạt động tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Theo khoản 3 Điều 18 Luật Hợp tác xã năm 2023)

Câu 60: Một trong những mục tiêu tổng quát của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được quy định như thế nào?

A. Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

B. Tăng trưởng kinh tế bình quân các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm.

C. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

D. Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của Nhân dân, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Mục II. 1 Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

Câu 61: Theo Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, mục tiêu đến năm 2030 được quy định như thế nào?

A. Chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (HDI) đạt trên 0,69.

B. Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước.

C. Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

D. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Theo Mục II. 1 Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

Câu 62: Dự án số 1 trong 10 dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ là gì?

A. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.

B. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

C. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

D. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 63. Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thì mục tiêu cụ thể như thế nào?

A. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; phân đầu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn;

B. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; phân đầu 75% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn;

C. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 5%; phân đầu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn;

D. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 5%; phân đầu 75% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn;

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 64: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thì ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% để thực hiện nội dung nào dưới đây?

A. Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM.

B. Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,...

C. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện)

D. Cả hai phương án A và C đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo khoản b, mục 1, phần V, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 65. Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có mục tiêu cụ thể là gì?

- A. Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%,
- B. Học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%;
- C. Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;
- D. Tất cả các phương án trên.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 66. Trong giai đoạn 2021 - 2025, có bao nhiêu dân tộc được xác định thuộc diện dân tộc còn gặp nhiều khó khăn?

- A. 28
- B. 32
- C. 35
- D. 36

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn).

Câu 67. Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có mục tiêu cụ thể là gì?

- A. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 50% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.
- B. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 50% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.
- C. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

D. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 68. Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025; thì tiêu chí để xác định thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 được quy định như thế nào?

A. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên (riêng đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên hoặc có trên 30 hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số nghèo).

B. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20% (riêng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 12% đến dưới 15%).

C. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20% (riêng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 12% đến dưới 15%) và Có trên 50% tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của thôn.

D. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên (riêng đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên hoặc có trên 30 hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số nghèo)

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Điều 6 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Câu 69. Việc áp dụng các chế độ, chính sách cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo nguyên tắc thế nào?

A. Người có uy tín được lựa chọn từ thôn, bản, xóm, buôn, làng, phum, sóc, tổ dân phố và tương đương (gọi chung là thôn).

B. Người có uy tín do địa phương trực tiếp quản lý, phân công, phân cấp thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

C. Trường hợp người có uy tín thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ với cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

D. Cả ba phương án trên đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Điều 3, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số).

Câu 70. Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, đối tượng thụ hưởng các chính sách của Chương trình bao gồm những những đối tượng nào?

A. Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

B. Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.

C. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

D. Tất cả các phương án trên

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo mục 2, phần II, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 71: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thì mục tiêu của Dự án 7 là gì?

A. Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ.

B. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại.

C. Tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo mục 7, phần III, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 72: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có mấy mục tiêu cụ thể?

- A. 6 mục tiêu.
- B. 7 mục tiêu.
- C. 8 mục tiêu.
- D. 9 mục tiêu.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Câu 73. Theo quy định của pháp luật hiện hành thì người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ như thế nào?

- A. Chi phí học ngoại ngữ, mua sắm đồ dùng cá nhân cần thiết cho làm việc và sinh hoạt ở nước ngoài.
- B. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- C. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong trường hợp nước tiếp nhận yêu cầu.
- D. Phương án B và C.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo Điều 10 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

Câu 74: Các trường hợp nào sau đây không được hoà giải ở cơ sở?

- A. Giao dịch dân sự trái đạo đức xã hội

B. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất.

C. Mâu thuẫn giữa các bên trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác.

D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: A là đáp án đúng

(khoản 2, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP)

Câu 75: Theo quy định của Luật hoà giải ở cơ sở năm 2013, việc bầu hoà giải viên do ai chủ trì?

A. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố

B. Trưởng ban công tác Mặt trận

C. Bí thư Chi bộ thôn, Tổ dân phố

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Trả lời: B là đáp án đúng.

(khoản 2, Điều 8 Luật Hoà Giải ở cơ sở)

Câu 76: Người thành niên là người bao nhiêu tuổi?

A. Từ đủ 15 tuổi trở lên

B. Từ đủ 16 tuổi trở lên

C. Từ đủ 17 tuổi trở lên

D. Từ đủ 18 tuổi trở lên

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Điều 20 BLDS 2015)

Câu 77: Những người nào sau đây có thể vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó?

A. Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

B. Con thành niên

C. Con thành niên mà không có khả năng lao động

D. Cả A và C đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng

(khoản 1 Điều 644 BLDS năm 2015).

Câu 78: Những người nào sau đây có thể không được quyền hưởng di sản thừa kế?

A. Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó.

B. Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản.

C. Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ và danh dự, nhân phẩm của người khác

D. Cả phương án A và B đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng.

(khoản 1 Điều 621 BLDS năm 2015)

Câu 79: Hãy cho biết độ tuổi kết hôn được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là bao nhiêu?

A. Nam, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên

B. Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, nữ từ đủ 20 tuổi trở lên

C. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên

D. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 80: Các tội phạm nào sau đây không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự?

A. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

B. Các tội xâm phạm sở hữu.

C. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người.

D. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Điều 28 Bộ luật hình sự năm 2015)

Câu 81: Trong các biện pháp xử lý hành chính sau, biện pháp nào thuộc thẩm quyền áp dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã?

- A. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- B. Đưa vào Trường giáo dưỡng
- C. Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc
- D. Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Điều 105 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Câu 82: Trong các nội dung sau, nội dung nào là bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị?

- A. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh
- B. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức
- C. Nam, nữ được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác
- D. Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 83. Những hành vi nào sau đây là hành vi bạo lực gia đình?

- A. Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình
- B. Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng
- C. Cưỡng ép tảo hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp
- D. Cả ba phương án trên đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng.

(khoản 1, Điều 3 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022).

Câu 84: Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, đối tượng nào được vay hỗ trợ đất ở?

- A. Các hộ dân tộc thiểu số.
- B. Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- C. Hộ nghèo dân tộc kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- D. Cả hai phương án B và C đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Điều 8 Nghị định 28/2022/NĐ-CP)

Câu 85: Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, mức cho vay hỗ trợ đất ở là bao nhiêu?

- A. Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận
- B. Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 100 triệu đồng/hộ
- C. Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ
- D. Không quá 60 triệu đồng/hộ

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Điều 11 Nghị định 28/2022/NĐ-CP)

Câu 86: Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, lãi suất cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề là bao nhiêu?

- A. Lãi suất cho vay bằng 70% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
- B. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm
- C. Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
- D. Lãi suất cho vay bằng 5%/năm.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Điều 25 Nghị định 28/2022/NĐ-CP)

Câu 87: Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người, học tại các Trường tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông được hưởng mức hỗ trợ học tập là bao nhiêu?

- A. Mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng
- B. Mức hỗ trợ học tập bằng 50% mức lương cơ sở/học sinh/tháng
- C. Mức hỗ trợ học tập bằng 70% mức lương cơ sở/học sinh/tháng
- D. Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Căn cứ Điều 4, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ thì mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng)

Câu 88: Dân tộc thiểu số rất ít người là dân tộc có số dân bao nhiêu?

- A. Dưới 100.000 người
- B. Dưới 70.000 người
- C. Dưới 50.000 người
- D. Dưới 10.000 người

Trả lời: D là đáp án đúng.

(khoản 5 Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP)

Câu 89: Theo quy định tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, người đồng bào dân tộc thiểu số có được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất do được Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ không?

- A. Không được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất do được Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ.
- B. Chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất khi sử dụng đất sau 05 năm kể từ ngày có quyết định giao đất.
- C. Chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất khi sử dụng đất sau 10 năm kể từ ngày có quyết định giao đất.
- D. Chỉ được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất khi sử dụng đất sau 15 năm kể từ ngày có quyết định giao đất.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Theo Điều 40, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai).

Câu 90: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tuổi kết hôn tối thiểu của nam và nữ được quy định như thế nào?

- A. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên.
- B. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- C. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- D. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên

Trả lời: C là đáp án đúng.

(khoản 1 - Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Câu 91: Hành vi bị cấm theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bao gồm những hành vi nào?

- A. Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.
- B. Yêu sách của cải trong kết hôn.
- C. Tự nguyện kết hôn.
- D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: B là đáp án đúng

(điểm đ - khoản 2, Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Câu 92: Người từ đủ 18 tuổi trở lên có những quyền nào sau đây?

- A. Quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản.
- B. Quyền sở hữu, quyền thừa kế và quyền khác đối với tài sản.
- C. Quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó.
- D. Tất cả các quyền trên.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(từ Điều 16 đến Điều 20 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 93: Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong trường hợp nào?

- A. Theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau
- B. Theo dân tộc của địa bàn nơi mình đang sinh sống
- C. Chỉ theo dân tộc của cha đẻ

D. Chỉ theo dân tộc của mẹ đẻ

Trả lời: A là đáp án đúng.

(điểm a khoản 3 Điều 29 Bộ Luật Dân sự năm 2015).

Câu 94: Cơ quan nào có thẩm quyền hướng dẫn hoạt động mai táng, hỏa táng đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương?

A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

B. Ban Dân tộc

C. Sở Tài nguyên và Môi trường

D. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Căn cứ khoản 3 Điều 55 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn hoạt động mai táng, hỏa táng phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng và bảo đảm vệ sinh môi trường).

Câu 95: Nhận định nào sau đây đúng về thành lập doanh nghiệp?

A. Người dân tộc thiểu số chưa đủ 18 tuổi được thành lập doanh nghiệp

B. Công chức ở miền núi, hải đảo được phép thành lập doanh nghiệp

C. Người dân tộc thiểu số là công chức thì không được phép thành lập doanh nghiệp

D. Người dân tộc thiểu số chưa thành niên thì có thể thành lập doanh nghiệp thông qua người đại diện

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020).

Câu 96: Hành vi nào sau đây là hành vi không bị cấm đối với việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm?

A. Sử dụng nguyên liệu thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không bảo đảm an toàn để sản xuất, chế biến thực phẩm.

B. Sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại cơ sở không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

C. Quảng cáo thực phẩm sai sự thật, gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

D. Sử dụng lòng đường, vỉa hè, hành lang, sân chung, lối đi chung, diện tích phụ chung để chế biến, sản xuất, kinh doanh thức ăn đường phố.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Điều 5, Luật An toàn thực phẩm năm 2010).

Câu 97: Theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế 2008 (sửa đổi bởi khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014) và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế thì với đối tượng “người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo” thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế nào sau đây?

- A. Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng
- B. Nhóm do ngân sách nhà nước đóng
- C. Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng
- D. Nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế 2008 (sửa đổi bởi khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014) và khoản 9, Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế).

Câu 98: Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế thì với đối tượng tham gia bảo hiểm y tế “...người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo” khi đi khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến sẽ được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán với mức hưởng là?

- A. 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng
- B. 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng
- C. 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng
- D. 40% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng

Trả lời: A là đáp án đúng.

(điểm a, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế).

Câu: 99: Pháp luật hôn nhân và gia đình cấm nam, nữ kết hôn trong những trường hợp nào sau đây?

- A. Giữa người đang có vợ và đang có chồng
- B. Nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi
- C. Người có dòng máu về trực hệ; có họ trong phạm vi ba đời
- D. Tất cả các trường hợp trên đều bị cấm

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

+ Đáp án A vi phạm quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 quy định về chế độ hôn nhân một vợ một chồng bình đẳng;

+ Đáp án B vi phạm quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 quy định về các điều kiện kết hôn. Theo đó nam phải từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

+ Đáp án C vi phạm quy định điểm d, khoản 1, Điều 5 quy định về các hành vi bị cấm do việc kết hôn với người có dòng máu trực hệ, trong phạm vi ba đời liên quan đến vấn đề đạo đức và bảo vệ sức khỏe cho đứa trẻ. Nếu những người có dòng máu trực hệ trong phạm vi ba đời kết hôn với nhau, con sinh ra có tỉ lệ bị dị tật cao).

Câu 100: Ngoài tuân thủ các trường hợp cấm kết hôn và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nam nữ kết hôn hợp pháp bắt buộc phải thực hiện thủ tục nào?

- A. Làm lễ cưới tại nơi cư trú
- B. Về chung sống với nhau
- C. Thông báo việc kết hôn cho trưởng thôn, bản, khối phố
- D. Đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã của một trong hai bên nam, nữ cư trú

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn”

+ Quy định tại khoản 6 Điều Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Kết hôn trái pháp luật là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này”

+ Quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật hộ tịch năm 2014 về Thẩm quyền đăng ký kết hôn và nội dung Giấy chứng nhận kết hôn: “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn”).

Câu 101: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, đâu là các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự?

- A. Biện pháp khiển trách.
- B. Biện pháp hòa giải tại cộng đồng.
- C. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
- D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Điều 93, Điều 94, Điều 95 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Câu 102: Thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, lại đua đòi bạn bè ăn chơi nên K phạm tội cướp tài sản khi mới 15 tuổi 2 tháng. Khi đưa ra xét xử, nếu Tòa án áp dụng hình phạt tù thì mức hình phạt đối với A như thế nào so với người đủ 18 tuổi trở lên?

- A. 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- B. 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- C. 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- D. Bằng mức phạt tù mà điều luật quy định.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(K mới hơn 15 tuổi, vì thế, việc Tòa án ra bản án đối với K bằng 1/2 mức phạt tù điều luật quy định là đúng với quy định của pháp luật về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi

Khoản 2, Điều 101 Bộ luật Hình sự quy định về việc phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi như sau:

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định).

Câu 103: P 17 tuổi phạm tội cố ý làm hư hỏng tài sản quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Trong trường hợp này, nếu Tòa án áp dụng phạt tiền là hình phạt chính thì mức tiền phạt tối đa P phải chịu là bao nhiêu?

- A. 10 triệu đồng
- B. 15 triệu đồng
- C. 20 triệu đồng
- D. 25 triệu đồng

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Điều 99 Bộ Luật hình sự năm 2015 Điều 99. Phạt tiền

Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định).

Câu 104: B đến nhà A định rủ A đi câu nhưng không thấy ai ở nhà ngoài C (12 tuổi, con gái của A) đang ngồi chơi một mình. Thú tính nổi lên, B dụ dỗ C ra vườn đưa ngón tay vào bộ phận sinh dục của cháu C. Khi A về, thấy con gái có dấu hiệu bị xâm hại nên đã trình báo công an. Qua điều tra, công an xác định B là thủ phạm. Theo anh (chị), hành vi của B phạm tội gì?

- A. Tội hiếp dâm quy định tại Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015
- B. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi quy định tại Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015
- C. Tội cưỡng dâm quy định tại Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 2015
- D. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi quy định tại Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Hướng dẫn tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 về hành vi quan hệ tình dục khác quy định tại khoản 1 Điều 141, khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 144 và khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là hành vi của những người cùng giới tính hay khác giới tính sử dụng bộ phận sinh dục nam, bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, miệng, hậu môn của người khác với bất kỳ mức độ xâm nhập nào, bao gồm một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa bộ phận sinh dục nam xâm nhập vào miệng, hậu môn của người khác;

b) Dùng bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, hậu môn của người khác.

Căn cứ vào tuổi của C, B phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cụ thể, điều luật quy định như sau:

Điều 142 .Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;

b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi).

Câu 105: Theo quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo thuộc đối tượng nào dưới đây?

A. Ưu tiên được phổ biến, giáo dục pháp luật.

B. Đặc thù được quan tâm phổ biến, giáo dục pháp luật.

C. Được phổ biến, giáo dục pháp luật hàng tháng.

D. Như mọi công dân trong xã hội.

Trả lời: B là đáp án đúng.

(Theo Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012).

Câu 130. Khi trở về địa phương, nạn nhân bị mua bán người thuộc hộ nghèo, được trợ cấp gì?

A. Không được trợ cấp gì.

B. Được hỗ trợ việc làm.

C. Hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu để ổn định cuộc sống.

D. Được hỗ trợ nhà ở.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Theo Điều 38 Luật phòng chống mua bán người năm 2011).

Câu 106: Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, thường trú tại xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi được nhà nước hỗ trợ bao nhiêu tiền ăn hàng tháng và thời gian hưởng hỗ trợ như thế nào?

- A. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và trong 09 tháng/01 năm học
- B. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 100% mức lương cơ sở và trong 09 tháng/01 năm học
- C. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và trong cả năm học.
- D. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 100% mức lương cơ sở và trong cả năm học

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Theo Điều 5 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn).

Câu 107: Đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý khi đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- A. Người thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.
- B. Là người nghèo, sinh sống ở miền núi.
- C. Là người nghèo, sinh sống ở vùng bãi ngang, ven biển.
- D. Không phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và địa bàn sinh sống.

Trả lời: A là đáp án đúng .

(Theo Điều 2 Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn).

Câu 108: Người lao động là người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì được hỗ trợ vay vốn tối đa là bao nhiêu?

- A. Tối đa 30 triệu.
- B. Tối đa 50 triệu.
- C. Tối đa 100 triệu.

D. Tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Điều 11 và Điều 36 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạp việc làm và quỹ quốc gia về việc làm).

Câu 109: Tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đối tượng hỗ trợ đất ở như thế nào?

A. Hộ đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN

B. Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN

C. Hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại ở các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở

D. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.

Trả lời: D là đáp án đúng

Câu 110: Tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đối tượng hỗ trợ nhà ở như thế nào?

A. Hộ được hỗ trợ đất ở thì đồng thời được xem xét hỗ trợ nhà ở

B. Hộ được hỗ trợ đất ở thì không được xem xét hỗ trợ nhà ở

C. Hộ không được hỗ trợ đất ở thì đồng thời được xem xét hỗ trợ nhà ở

D. Hộ được hỗ trợ đất ở thì đồng thời được xem xét hỗ trợ nhà ở và 100kg gạo/tháng.

Trả lời: A là đáp án đúng

Câu 111: Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025” được Bộ Tài chính quy định tại Thông tư hướng dẫn nào?

- A. Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính.
- B. Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.
- C. Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/2/2022 của Bộ Tài chính.
- D. Thông tư 08/2022/TT-BTC ngày 09/2/2022 của Bộ Tài chính

Trả lời: B Là đáp án đúng

Câu 112. Tại Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán như thế nào?

- A. Tất cả các hộ gia đình tại vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.
- B. Hộ DTTS nghèo tại vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.
- C. Hộ DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.
- D. Hộ dân tộc Kinh tại vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.

Trả lời: C là đáp án đúng

Câu 113: Hiện nay, các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định như thế nào ?

- A. Có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 5% trở lên.
- B. Có có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 10% trở lên.
- C. Có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên.
- D. Có có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 20% trở lên.

Trả lời: C là đáp đúng.

(Quy định theo Khoản 1, Điều 2, Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025).

Câu 114: Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và cá nhân phải có trách nhiệm như thế nào?

- A. Khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường
- B. Bồi thường thiệt hại
- C. Bị xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan
- D. Cả a, b, c đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng

Câu 115: Theo Luật Giáo dục đối tượng được tuyển sinh tại Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học bao gồm những đối tượng nào?

- A. Tất cả người học là người dân tộc thiểu số trên toàn quốc
- B. Người học là người dân tộc thiểu số, người học thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- C. Người học bao gồm toàn bộ người Kinh sinh sống tại khu vực miền núi và hải đảo.
- D. Chỉ dành cho đối tượng người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

Trả lời: B là đáp án đúng.

Câu 116: Học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học hiện nay được hưởng mức học bổng hàng tháng như thế nào?

- A. 90%
- B. 85%
- C. 80%
- D. 75%

Trả lời: C là đáp án đúng.

Câu 117: Ngoài mức học bổng được hưởng hàng tháng, mỗi học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học được hưởng thêm những chế độ ưu đãi nào?

A. Được miễn học phí; Trang cấp hiện vật một lần một số đồ dùng sinh hoạt cá nhân; Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm.

B. Được miễn học phí; Trang cấp hiện vật một lần một số đồ dùng sinh hoạt cá nhân; Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa; Chi cho ngày tết nguyên đán, tết dân tộc; Chi bảo vệ sức khỏe.

C. Được miễn học phí; Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa; Chi bảo vệ sức khỏe.

D. Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa; Chi cho ngày tết nguyên đán, tết dân tộc; Chi bảo vệ sức khỏe.

Trả lời: B là đáp án đúng.

Câu 118. Từ độ tuổi nào công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quyền bỏ phiếu trưng cầu ý dân?

A. Từ đủ 17 tuổi trở lên tính đến ngày trưng cầu ý dân.

B. Từ 18 tuổi trở lên tính đến ngày trưng cầu ý dân.

C. Từ đủ 18 tuổi trở lên tính đến ngày trưng cầu ý dân.

D. Từ 20 tuổi trở lên tính đến ngày trưng cầu ý dân.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(Khoản 2 Điều 5 Luật trưng cầu ý dân)

Câu 119. Du lịch có ý nghĩa gì đối với công tác bảo tồn văn hóa các dân tộc?

A. Du lịch góp phần bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử các dân tộc.

B. Du lịch mang lại nguồn lực hỗ trợ cho việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa các dân tộc.

C. Du lịch là một hình thức rất hiệu quả để quảng bá văn hóa cộng đồng.

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

Câu 120. Tảo hôn trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được định nghĩa như thế nào?

A. Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định.

B. Tảo hôn là việc lấy vợ lấy chồng

C. Tảo hôn là việc lấy vợ lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ 20 tuổi kết hôn theo quy định tại điểm A khoản 1 Điều 8 của luật này.

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Trả lời: A là đáp án đúng.

Câu 121. Dân tộc thiểu số rất ít người là thành phần dân tộc có số dân bao nhiêu người?

A. Có số dân dưới 5.000 người

B. Có số dân dưới 10.000 người

C. Có số dân dưới 15.000 người

D. Có số dân dưới 20.000 người

Trả lời: B là đáp án đúng.

(khoản 5 Điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc)

Câu 122: Trong năm 2023, ông H đã sử dụng trang mạng xã hội (Zalo, facebook...) cá nhân để chia sẻ thông tin với nội dung cổ súy các hủ tục; căn cứ quy định tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022), hành vi của ông H có thể phải chịu mức phạt hành chính nào trong 04 mức phạt sau đây?

A. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

B. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

C. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng;

D. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Trả lời: A là đáp án đúng.

(Theo điểm b khoản 1 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022), người nào lợi dụng mạng xã hội để thực hiện hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy các hủ tục,

mê tín, di đoan, dâm ô, đồi trụy, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng).

Câu 123: Giàng A Páo sinh năm 1988, trú tại bản Mùng, xã mường K tỉnh Y. Qua quen biết, Páo biết em T (sinh năm 2008) có nhu cầu sang nước L lao động, kiếm tiền nuôi cha mẹ. Páo thỏa thuận sẽ đưa em T sang nước L lao động với giá 5 triệu đồng, cho trả góp trong 3 năm và em T đồng ý.

Ngày 20/10/2020, Páo đưa em T đến biên giới Việt Nam và nước L, giao cho một người tên X (quốc tịch L). Em T nghe thấy sẽ làm việc trong quán karaoke bên nước L nên không đồng ý và đòi bỏ về. Páo và X đã đánh đập và ép em T sang nước L làm việc. X trả cho Páo 10 triệu đồng và đưa em T sang nước L làm việc. Tháng 02/2022, em T bỏ trốn và báo cho cơ quan Công an nước L.

Hỏi: Hành vi của Giàng A Páo phạm vào tội gì theo quy định của Bộ Luật Hình sự hiện hành?

A. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349).

B. Tội mua bán người (Điều 150).

C. Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151).

D. Cả A và B là phương án đúng.

Trả lời: C là đáp án đúng.

(+ Chủ thể: Giàng A Páo, đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

+ Khách thể: Xâm phạm quyền tự do thân thể, danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ - em T.

+ Mặt khách quan: Páo có hành vi: sử dụng vũ lực ép buộc em T sang nước L làm việc. Nhận 10 triệu tiền thù lao mua bán từ bên X. Hậu quả là em T bị đưa sang nước L, cưỡng bức lao động trong thời gian 2 năm. Đối tượng bị xâm hại: em T - 12 tuổi.

+ Mặt chủ quan: Páo thực hiện hành vi có lỗi cố ý trực tiếp, động cơ đưa em T sang nước L làm việc. Mục đích vì vụ lợi (nhận 10 triệu đồng thù lao).

Câu 124: Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 vào kỳ họp thứ mấy của Quốc hội khóa XIV?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Trả lời D là đáp án đúng.

Câu 125: Một người vi phạm lần đầu về hành vi trồng cây có chứa chất ma túy. Hỏi số cây người đó trồng ít nhất là bao nhiêu cây thì bị xử lý hình sự theo Điều 247 - Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy”?

A. 100 cây

B. 200 cây

C. 300 cây

D. 500 cây

Trả lời: D là đáp án đúng.

Câu 126: Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường gồm những chủ thể nào?

A. Cơ quan, tổ chức.

B. Cộng đồng dân cư.

C. Hộ gia đình và cá nhân.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng.

(Theo khoản 1 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường 2020).

Câu 127: Có mấy hình thức tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Trả lời: C là đáp án đúng.

(điểm b, Khoản 2, Điều 5 Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định 03 hình thức tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số gồm: tập trung, bán tập trung; từ xa).

Câu 128: Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2003, việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới quốc gia được thực hiện tại vị trí nào dưới đây?

- A. Tại cửa khẩu.
- B. Tại nơi mở ra cho qua lại biên giới.
- C. Tại cửa khẩu và nơi mở ra cho qua lại biên giới.
- D. Tại đường mòn biên giới.

Trả lời: A là đáp án đúng (Theo khoản 1 Điều 15 Luật BGQG).

Câu hỏi 129: Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2003, việc qua lại biên giới của nhân dân trong khu vực biên giới được thực hiện tại vị trí nào dưới đây?

- A. Tại cửa khẩu.
- B. Tại nơi mở ra cho qua lại biên giới.
- C. Tại cửa khẩu hoặc nơi mở ra cho qua lại biên giới.
- D. Tại đường mòn biên giới.

Trả lời: C là đáp án đúng (Theo khoản 1 Điều 15 Luật BGQG).

Câu 130: Theo quy định của Luật Biên giới quốc gia; người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới quốc gia phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?

- A. Phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp.
- B. Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- C. Phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- D. Không cần các điều kiện nêu trên.

Trả lời: C là đáp án đúng (Theo khoản 2 Điều 15 Luật BGQG).

Câu 131: Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2003, cơ quan nào dưới đây có thẩm quyền quyết định việc mở cửa khẩu và nơi mở ra cho qua lại biên giới, nâng cấp cửa khẩu, đóng cửa khẩu, xác định các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải, đường hàng không dùng cho việc quá cảnh?

- A. Bộ Quốc phòng.
- B. Bộ Ngoại giao.
- C. Chính phủ.
- D. Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao.

Trả lời: C là đáp án đúng (theo khoản 1 Điều 16 Luật BGQG).

Câu 132: Theo quy định của pháp luật về biên giới quốc gia, Bộ đội biên phòng chủ trì phối hợp với các lực lượng liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các cửa khẩu nào dưới đây?

- A. Tại các cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu đường sắt.
- B. Tại cửa khẩu đường thủy nội địa trong khu vực biên giới.
- C. Tại cửa khẩu đường hàng hải (cảng biển).
- D. Tại tất cả các cửa khẩu nêu trên.

Trả lời: D là đáp án đúng (theo điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BGQG).

Câu 133: Đồng chí cho biết trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phòng, chống mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011?

A. Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân ở khu vực biên giới, hải đảo tham gia các hoạt động phòng, chống mua bán người.

B. Chỉ đạo lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mua bán người tại khu vực biên giới và trên biển theo quy định của pháp luật, tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân theo quy định.

C. Thực hiện quản lý an ninh, trật tự tại khu vực biên giới, hải đảo và trên biển để phòng ngừa mua bán người và thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

D. Cả ba phương án trên.

Trả lời: D là đáp án đúng (Theo Điều 43, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011).

Câu 134: Luật Phòng, chống mua bán người quy định bao nhiêu hình thức thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 6.
- D. 8.

Trả lời: C là đáp án đúng (Theo khoản 3, Điều 7, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011).

Câu 135: Có bao nhiêu hành vi bị nghiêm cấm được quy định trong Luật Phòng, chống mua bán người?

- A. 6.
- B. 8.
- C. 10.
- D. 12.

Trả lời: D là đáp án đúng (Theo Điều 3, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011).

Câu 136: Đồng chí cho biết theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ những chế độ nào dưới đây?

- A. Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại.
- B. Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại; hỗ trợ y tế; hỗ trợ tâm lý.
- C. Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại; hỗ trợ học văn hóa, học nghề; trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.
- D. Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại; hỗ trợ y tế; hỗ trợ tâm lý; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ học văn hóa, học nghề; trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

Trả lời: D là đáp án đúng (Theo khoản 1, Điều 32 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011).

Câu 137: Đồng chí hiểu hành vi nhằm mục đích “*Để cưỡng bức lao động*” của tội phạm quy định tại Điều 150 và Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như thế nào?

- A. Là việc cưỡng ép nhằm buộc nạn nhân lao động trái ý muốn của họ.
- B. Là việc dùng vũ lực nhằm buộc nạn nhân lao động trái ý muốn của họ.
- C. Là việc đe dọa dùng vũ lực nhằm buộc nạn nhân lao động trái ý muốn của họ.
- D. Là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác nhằm buộc nạn nhân lao động trái ý muốn của họ.

Trả lời: D là đáp án đúng (Theo điểm b, khoản 1, Điều 150 và điểm b, khoản 1, Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)).

II. PHẦN TÌNH HUỐNG

Câu 1: Ấp A thuộc xã B là khu vực vùng sâu, có một số đồng bào dân tộc Khmer không thể đọc và viết tiếng Việt. Trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội, một số cử tri ở đây đã bị kẻ xấu tuyên truyền sai lệch rằng bầu cử không dành cho đồng bào dân tộc thiểu số; người Khmer không được quyền ứng cử vào Quốc hội, cũng không thể bầu cử vì phiếu bầu và các thông tin về bầu cử không được in bằng tiếng Khmer nên bà con không thể ghi được phiếu.

Hỏi:

- Cho biết quyền ứng cử, bầu cử của công dân Việt Nam nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, được quy định như thế nào trong Hiến pháp?
- Chính sách của Nhà nước ta về đảm bảo tỉ lệ ứng cử của đồng bào dân tộc thiểu số vào Quốc hội được pháp luật quy định như thế nào?
- Đối với trường hợp cụ thể này thì pháp luật có quy định gì để đảm bảo bà con vẫn có thể thực hiện được quyền bỏ phiếu?
- Nếu gặp tình huống tương tự trên thực tế, anh (chị) sẽ phản bác thông tin sai trái này như thế nào?

Trả lời:

- Quyền bầu cử và ứng cử của công dân Việt Nam được quy định tại Điều 27 Hiến pháp năm 2013 như sau: Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.
- Chính sách của Nhà nước ta nhằm đảm bảo tỉ lệ ứng cử vào Quốc hội của đồng bào dân tộc thiểu số theo Khoản 2 Điều 8 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 là: Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất mười tám phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.
- Theo Khoản 3 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 thì trong trường hợp: Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri.

- Quan điểm phản bác của thí sinh: Thí sinh tự nêu lên quan điểm

Câu 2: Từng có nhiều năm làm lãnh đạo xã, nay ông Y-Yôsuê đã được về hưu. Được sự tín nhiệm của mọi người, ông Y-Yôsuê được công nhận và đưa vào danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc Êđê tại buôn. Ông Y-Yôsuê luôn có những hoạt động tích cực để giữ gìn những giá trị truyền thống, phong tục, tập quán bản sắc tốt đẹp của dân tộc; bài trừ những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; những hành vi lệch lạc thuần phong mỹ tục và chuẩn mực đạo đức xã hội.

Hỏi: Cho biết pháp luật hiện hành quy định như thế nào về chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số?

Trả lời

Chế độ, chính sách đối với người có uy tín được quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể:

Thứ nhất là được cung cấp thông tin

a) Định kỳ hoặc đột xuất người có uy tín được phổ biến, cung cấp thông tin mới về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự và kết quả thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách dân tộc đang thực hiện ở địa phương;

b) Người có uy tín được cấp (không thu tiền): 01 tờ Báo Dân tộc và Phát triển của Ủy ban Dân tộc; 01 tờ báo tỉnh hoặc hình thức cung cấp thông tin khác phù hợp đối với người có uy tín do địa phương lựa chọn;

c) Người có uy tín được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc và kỹ năng hòa giải, tuyên truyền, vận động quần chúng;

d) Tùy vào tình hình cụ thể của từng địa phương người có uy tín được thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết dân tộc do địa phương xác định, thực hiện.

Thứ hai, hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần

a) Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết của các dân tộc thiểu số không quá 02 lần/năm; mức chi không quá 500.000 đồng/người/lần;

b) Thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín bị ốm đau không quá 01 lần/năm. Mức chi: không quá 3.000.000 đồng/người/năm đối với cấp Trung ương; không quá 1.500.000 đồng/người/năm đối với cấp tỉnh; không quá 800.000 đồng/người/năm đối với cấp huyện;

c) Thăm hỏi, hỗ trợ hộ gia đình người có uy tín gặp khó khăn (thiên tai, hỏa hoạn). Mức chi không quá 2.000.000 đồng/gia đình/năm đối với cơ quan Trung ương; không quá 1.000.000 đồng/gia đình/năm đối với cơ quan cấp tỉnh; không quá 500.000 đồng/gia đình/năm đối với cơ quan cấp huyện;

d) Thăm viếng, động viên khi người có uy tín, thân nhân trong gia đình (bố, mẹ, vợ, chồng, con) qua đời. Mức chi không quá 2.000.000 đồng/trường hợp đối với cơ quan Trung ương; không quá 1.000.000 đồng/trường hợp đối với cơ quan cấp tỉnh; không quá 500.000 đồng/trường hợp đối với cơ quan cấp huyện;

Thứ ba, về khen thưởng

Người có uy tín có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết dân tộc được biểu dương, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Thứ tư, các đoàn đại biểu người có uy tín do địa phương tổ chức đến thăm, làm việc tại các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc các cấp ở Trung ương và địa phương được đón tiếp, tặng quà lưu niệm. Mức chi

tặng quà không quá 500.000 đồng/đại biểu; chi đón tiếp thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiếp khách trong nước.

Câu 3: Ngày 05/5, A (19 tuổi, người dân tộc thiểu số, có nơi cư trú rõ ràng, đang mang thai ở thai kỳ tháng thứ 7) làm rẫy trên núi thì đau bụng và trở dạ sinh non 1 bé trai. Khi nhìn thấy đứa bé tím tái, A sợ hãi bỏ chạy về nhà. Tối hôm đó thấy con có sức khỏe và tâm lý bất thường, cha mẹ hỏi thì A kể lại sự việc. Cha mẹ A liền lên rẫy tìm đứa bé thì phát hiện đứa bé đã chết. Sáng ngày 07/5, sau khi được cha mẹ khuyên, A ra tự thú tại trụ sở công an huyện. Cũng trong ngày hôm đó, công an huyện ra quyết định tạm giữ hình sự 3 ngày đối với A để làm rõ sự việc có dấu hiệu tội phạm vứt bỏ con mới đẻ theo khoản 2 Điều 124 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cha mẹ A nhờ người quen tìm hiểu và ngày 08/5 cha mẹ A lên công an huyện xin bảo lãnh cho A được tại ngoại vì lý do A sức khỏe đang không tốt, lại phạm tội do lạc hậu, thiếu hiểu biết và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế. Cha mẹ A cho rằng việc cho A tại ngoại sẽ vẫn bảo đảm phục vụ điều tra và có giá trị tích cực hơn với A về sức khỏe, tinh thần, từ đó sẽ giúp A hợp tác tốt hơn trong quá trình điều tra.

Hỏi: Yêu cầu của cha mẹ A xin bảo lãnh cho A với những lý lẽ như trên có thể được Công an huyện chấp nhận hay không? Tại sao?

Trả lời

Việc cha mẹ của A thì yêu cầu xin bảo lãnh cho A sẽ không được chấp nhận, bởi các lý do sau:

+ Một là, theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021) (các Điều 117, 121) thì một người đang bị tạm giữ sẽ không được áp dụng biện pháp bảo lãnh, bởi vì biện pháp bảo lãnh chỉ được áp dụng để thay thế biện pháp tạm giam đối với bị can, bị cáo. Trong tình huống trên A chỉ mới bị tạm giữ và chưa bị khởi tố về hình sự.

+ Hai là, các lý lẽ gồm “phạm tội do lạc hậu”, “phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” và “A sức khỏe đang không tốt” như cha mẹ A nêu ra không phải là căn cứ để được trả tự do đối với người bị giam giữ, mà đó là tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (theo điểm g, m khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, sđbs 2017). Như vậy, khi nào Tòa định tội và quyết định hình phạt đối với A thì các tình tiết này sẽ được viện dẫn để giảm nhẹ hình phạt cho A.

Tuy nhiên, trường hợp sau khi bị khởi tố bị can, A có thể được tại ngoại để điều tra mà không bị tạm giam (bởi vì A không thuộc trường hợp có thể bị tạm giam theo khoản 1 Điều 119 BLTTHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021) nếu A không có một trong các hành vi gây khó khăn cho hoạt động tố tụng như tại khoản 2, 3, 4 Điều 119 BLTTHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021. Vì vậy, cha mẹ A không cần xin bảo lãnh cho A.

Câu 4: Em Pờ Mìn 16 tuổi (người dân tộc Tày), do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên em mong muốn được làm việc để phụ giúp gia đình. Em có sức khỏe tốt và muốn xin làm công nhân chế biến hạt điều cho một Công ty.

Hỏi: Trong trường hợp này, Công ty có thể thuê em Pờ Mìn làm công việc này được hay không? Và nếu thuê được thì ai là người giao kết hợp đồng lao động bên phía người lao động trong trường hợp này?

Trả lời:

- Công ty có thể thuê em Pờ Mìn làm việc trong trường hợp này.
- Công việc thuê là công nhân chế biến hạt điều, làm việc trong điều kiện lao động bình thường không thuộc trường hợp cấm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Lao động 2019.

“Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi:

1. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc sau đây:

a) Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;

b) Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;

c) Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;

d) Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;

đ) Phá dỡ các công trình xây dựng;

e) Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;

g) Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;

h) Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

2. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc ở các nơi sau đây:

a) Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;

b) Công trường xây dựng;

c) Cơ sở giết mổ gia súc;

d) Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;

đ) Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định danh mục tại điểm h khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.”

- Công ty sẽ giao kết hợp đồng lao động với chính người lao động – là em Pờ Mìn. Theo điểm b Khoản 4 Điều 18 Bộ luật Lao động 2019 thì giao kết hợp đồng phải kèm theo văn bản xác nhận đồng ý cho phép đi làm của người đại diện theo pháp luật của em Pờ Mìn.

Câu 5: Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, thì chính sách này được áp dụng tại những địa bàn nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ quy định: Địa bàn thực hiện là cấp xã, cấp thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong từng thời kỳ.

Danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc.

Câu 6: Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, trách nhiệm của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội?

Trả lời:

Tại Điều 40 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ quy định:

“1. Khách hàng vay vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định tại Nghị định này, sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi vốn vay đầy đủ, đúng thời hạn theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

2. Khách hàng vay vốn không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất sản xuất, nhà ở trong thời gian còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”

Như vậy, khách hàng thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách và có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội phải đảm bảo trách nhiệm nêu trên.

Câu 7: Trong những năm gần đây, tội phạm mua bán người đang có xu hướng gia tăng và ngày càng khó bị phát hiện. Mua bán người được che giấu bởi các hình thức như tham quan, du lịch, ký kết làm ăn kinh tế, lao động xuất khẩu, tổ chức kết hôn thông qua môi giới... Nạn nhân của các vụ mua bán người thường chủ yếu làm nô lệ tình dục, lao động cưỡng bức, lấy nội tạng, bào thai, đẻ thuê... Hiện nay, nạn nhân không chỉ là phụ nữ và trẻ em như những năm trước đây mà đối tượng của loại tội phạm này hướng tới còn là nam giới và trẻ sơ sinh.

Hỏi: Trước thực trạng nêu trên, cá nhân, gia đình, nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 12 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì việc cá nhân tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như sau:

- Tham gia các hoạt động phòng ngừa mua bán người.
- Kịp thời báo tin, tố giác, tố cáo hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.

Theo Điều 13 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì việc gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như sau:

- Cung cấp thông tin cho thành viên trong gia đình về thủ đoạn mua bán người và các biện pháp phòng, chống mua bán người.

- Phối hợp với nhà trường, cơ quan, tổ chức và các đoàn thể xã hội trong phòng, chống mua bán người.

- Chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân là thành viên của gia đình để họ hòa nhập cuộc sống gia đình và cộng đồng.

- Động viên nạn nhân là thành viên của gia đình hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống mua bán người.

Theo Điều 14 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như sau:

- Quản lý chặt chẽ việc học tập và các hoạt động khác của học sinh, sinh viên, học viên.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục ngoại khóa về phòng, chống mua bán người phù hợp với từng cấp học, ngành học.

- Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên, học viên là nạn nhân học văn hóa, học nghề, hòa nhập cộng đồng.

- Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống mua bán người.

- Liên hệ thực tiễn địa phương. (thí sinh tự liên hệ).

Câu 8: Chị A là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, sinh sống ở đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ, từ năm 2016 đến năm 2018 chưa được nhận hỗ trợ thì sang năm 2019 có được làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ không?

Trả lời:

Tại Điều 2, Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

“Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP. Mỗi đối tượng chỉ được nhận chính sách hỗ trợ một lần”.

Nếu các đối tượng sinh con từ ngày 15/6/2015 đến 31/12/2018 mà tại thời điểm sinh con thuộc hộ nghèo, đúng theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP mà chưa được nhận tiền thì sang năm 2019 tiếp tục được rà soát bổ sung, làm hồ sơ đề nghị chi trả cho đối tượng theo đúng Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

- Liên hệ thực tiễn địa phương. (thí sinh tự liên hệ).

Câu 9: Em Lâm Hưng là người dân tộc thiểu số Khmer, em có bố mất vì HIV/AIDS. Năm nay, em làm thủ tục nhập học vào trường Cao Đẳng X, Trường yêu cầu sinh viên phải nộp Giấy khám sức khỏe trong đó có kết quả xét nghiệm HIV. Yêu cầu này của nhà trường có đúng pháp luật hay không? Vì sao?

Trả lời:

Theo Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định “Điều 15. Phòng, chống HIV/AIDS trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

2. Cơ sở giáo dục không được có các hành vi sau đây:

a) Từ chối tiếp nhận học sinh, sinh viên, học viên vì lý do người đó nhiễm HIV;

b) Kỷ luật, đuổi học học sinh, sinh viên, học viên vì lý do người đó nhiễm HIV;

c) Tách biệt, hạn chế, cấm đoán học sinh, sinh viên, học viên tham gia các hoạt động, dịch vụ của cơ sở vì lý do người đó nhiễm HIV;

d) Yêu cầu xét nghiệm HIV hoặc yêu cầu xuất trình kết quả xét nghiệm HIV đối với học sinh, sinh viên, học viên hoặc người đến xin học”.

Như vậy, yêu cầu của nhà trường về việc nộp Giám khám sức khỏe để biết học sinh, sinh viên, học viên đến xin học có bị nhiễm HIV hay không là trái pháp luật. Các em khi đến nhập học, đăng ký xin học không phải nộp kết quả xét nghiệm HIV.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 10: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực là nhân tố cơ bản quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, nhìn chung chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, đặc biệt là với đối tượng trẻ em.

Hỏi: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đối với tỉ lệ trẻ em đến trường và đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số? Liên hệ thực tiễn?

Trả lời:

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/02/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 quy định mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đối với tỉ lệ trẻ em đến trường và đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số như sau: Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98% học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 11: Hiện nay, đối tượng mà Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hướng đến trong giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 gồm những đối tượng nào? Liên hệ thực tế địa phương?

Trả lời:

Theo điểm 2 Mục II Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021 quy định về đối tượng của Chương trình như sau:

+ Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- + Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;
- + Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- + Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Thí sinh tự liên hệ thực tế tại địa phương.

Câu 12: Tiểu dự án 1 “Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân” tại Dự án 3 “Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021.

Hỏi: Xin cho biết đối tượng của Tiểu dự án 1, Dự án 3 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại điểm a, mục 3, phần III của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021 quy định đối tượng của Tiểu dự án 1 như sau:

- + Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng;

- + Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 13: Hãy cho biết quy trình và thủ tục thành lập Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Quy trình và thủ tục thành lập Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2022 của Chính phủ). Cụ thể như sau:

* Về thủ tục thành lập Câu lạc bộ

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP thủ tục thành lập Câu lạc bộ gồm có:

- Đơn xin phép thành lập Câu lạc bộ;
- Dự thảo điều lệ;

- Dự kiến phương hướng hoạt động;
 - Danh sách những người trong ban vận động thành lập Câu lạc bộ được có quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;
 - Lý lịch tư pháp người đứng đầu ban vận động thành lập Câu lạc bộ;
 - Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội;
 - Bản kê khai tài sản do các sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có).
- * Về thẩm quyền quyết định thành lập Câu lạc bộ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP: “Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương. Chủ tịch UBND cấp tỉnh uỷ quyền để Chủ tịch UBND cấp huyện cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã”.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 14: “Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người”, đây là mục tiêu thuộc Dự án số 6 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh - tế xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hỏi: Hãy cho biết tên của Dự án số 6; cơ quan chủ trì và những nội dung cơ bản của Dự án số 6?

Trả lời:

Tên của Dự án số 6 là “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”. Đây là một trong những dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh - tế xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 1719/QĐTTg ngày 14/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án số 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án. Nội dung cơ bản của Dự án số 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

1. Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người;
2. Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;
3. Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch;

4. Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận;

5. Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể;

6. Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị khác văn hóa khác);

7. Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng);

8. Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư;

9. Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống;

10. Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu;

11. Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số;

12. Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

13. Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số;

14. Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

15. Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

16. Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

17. Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

18. Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

19. Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 15: Chị H nuôi một đàn lợn thịt ở sau nhà, sát với cái ao chung của xóm làng. Gần đây, bà con hàng xóm khuyên chị nên xây dựng một khu xử lý

chất thải riêng rẽ. Tuy nhiên, chị cho rằng ao làng là chung, không ảnh hưởng đến một ai cả. Xin hỏi, việc làm của chị có vi phạm pháp luật hay không?

Trả lời:

Chị H đã vi phạm các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống theo quy định của Điều 23 Luật an toàn thực phẩm năm 2010. Theo đó, cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a. Bảo đảm các điều kiện về đất canh tác, nguồn nước, địa điểm sản xuất để sản xuất thực phẩm an toàn;

b. Tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng giống cây trồng, giống vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, chất tăng trọng, chất phát dục, chất bảo quản thực phẩm và các chất khác có liên quan đến an toàn thực phẩm;

c. Tuân thủ quy định về kiểm dịch, vệ sinh thú y trong giết mổ động vật; về kiểm dịch thực vật đối với sản phẩm trồng trọt;

d) Thực hiện việc xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ. Chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất khử độc khi sử dụng phải bảo đảm an toàn cho con người và môi trường;

e. Duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất thực phẩm tươi sống.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 16: Ruộng rau cải của nhà chị A đến thời gian thu hoạch nhưng vẫn mang phân đạm ra bón cho rau với mục đích để rau xanh tốt thêm rồi mới đem bán cho người tiêu dùng.

Hỏi: Anh (chị) thấy việc sản xuất nông sản của chị A có đảm bảo toàn không, tại sao?

Trả lời:

Việc làm của chị A là không đảm bảo an toàn trong sản xuất và vi phạm quy định tại Điều 23 Luật an toàn thực phẩm năm 2010 về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống là:

- Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng giống cây trồng, giống vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, chất tăng trọng, chất phát dục, chất bảo quản thực phẩm và các chất khác có liên quan đến an toàn thực phẩm;

- Rau cải là loại rau ăn lá, khi đến thời gian thu hoạch mà chị A vẫn bón phân đạm sẽ làm cho lượng đạm vẫn tồn dư trong rau, khi con người sử dụng rau này làm thực phẩm, lượng đạm tồn dư sẽ đi vào cơ thể gây hại sức khỏe con người. Do vậy, việc làm như chị A cần phải tuyên truyền để mọi người có nhận thức đúng và tự giác thực hiện.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 17: Gia đình chị H là người dân tộc thiểu số sống tại xã vùng đặc biệt khó khăn, do không có đủ tiền cho con đi học, gia đình chị muốn biết hiện nay,

nhà nước ta có những chính sách hỗ trợ nào đối với những học sinh gặp nhiều khó khăn trong học tập như: học sinh nghèo, học sinh là con thương binh, bệnh binh, học sinh là người khuyết tật, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn?

Trả lời:

Học tập là quyền cơ bản của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập. Đất nước ta còn nghèo, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, vì vậy, còn rất nhiều học sinh gặp nhiều trở ngại trong học tập. Nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều được tiếp cận với những cơ hội học tập như nhau.

Điều 61, Hiến pháp 2013 quy định: “1. Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý.

3. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề”.

Cụ thể hóa quy định trên, nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, các biện pháp hỗ trợ những học sinh nghèo gặp khó khăn, nhằm bảo đảm cho mọi học sinh đều được học tập. Đó là:

Chính sách cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, học sinh là người tàn tật, học sinh là người dân tộc thiểu số.

Chính sách trợ cấp và miễn giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người mồ côi không nơi nương tựa, người tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế, người có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn vượt khó trong học tập

Chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong xã hội cấp học bổng và trợ cấp cho người học.

Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học được ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách.

Chính sách cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp đối với học sinh các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền để người học thuộc gia đình có thu nhập thấp có điều kiện học tập.

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng đối với học sinh ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo, trong đó có các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội, con thương binh, con bệnh binh

Người khuyết tật được cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập dành riêng trong trường hợp cần thiết; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ ký hiệu; người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo chuẩn quốc gia.

Các chính sách hỗ trợ đã phát huy hiệu quả trên thực tế, giảm bớt khó khăn cho nhiều gia đình học sinh, tạo điều kiện để các em được hưởng sự bình đẳng về cơ hội học tập, động viên khích lệ học sinh tiếp tục cố gắng học tập.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 18: Bà G là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được Nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, nơi đăng ký khám bệnh là trạm y tế xã. Hiện nay, bà muốn tự đi khám, chữa bệnh trái tuyến tại bệnh viện tỉnh, vậy bà có được bảo hiểm y tế chi trả không? Nếu có thì mức chi trả như thế nào?

Trả lời:

Khoản 5 Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định:

“Người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo khi tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh viện tuyến huyện, điều trị nội trú đối với bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến Trung ương và có mức hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này.”

Theo quy định trên, trường hợp bà G là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đi khám, chữa bệnh trái tuyến được bảo hiểm chi trả và mức chi trả theo quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng quy định tại các điểm a, d, e, g, h và i khoản 3 Điều 12 của Luật này. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi được hưởng bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 của Luật này được chi trả từ nguồn kinh phí bảo hiểm y tế dành cho khám bệnh, chữa bệnh của nhóm đối tượng này; trường hợp nguồn kinh phí này không đủ thì do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp chi phí cho một lần khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn mức do Chính phủ quy định và khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã;

c) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh khi người bệnh có thời gian tham gia bảo hiểm y tế 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm lớn hơn 6 tháng lương cơ sở, trừ trường hợp tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến; d) 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2, điểm k khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 12 của Luật này;

đ) 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng khác.”

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 19: Ông Q dân tộc Kinh lấy bà N người dân tộc Mường sinh ra con là S. Trước đây theo hộ khẩu của mẹ ghi dân tộc của S là dân tộc Mường. Nay vì S đã 18 tuổi nên ông Q và bà N có nguyện vọng muốn xác định dân tộc cho S là dân tộc Kinh. Nhưng yêu cầu của ông bà đã bị cơ quan có thẩm quyền từ chối với lý do chỉ có S mới được quyền yêu cầu việc đó hoặc phải có sự đồng ý của S.

Hỏi: Theo quy định của pháp luật hiện hành việc cơ quan có thẩm quyền từ chối yêu cầu của ông Q và bà N với lý do nêu trên là đúng hay sai?

Trả lời:

Cá nhân khi sinh ra được xác định dân tộc theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ. Trong trường hợp cha đẻ và mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau, thì dân tộc của người con được xác định là dân tộc của người cha đẻ hoặc dân tộc của người mẹ đẻ theo tập quán hoặc theo thoả thuận của cha đẻ, mẹ đẻ. Tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định người đã thành niên, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong các trường hợp sau đây:

a - Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ, nếu cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau;

b - Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp con nuôi đã xác định được cha đẻ, mẹ đẻ của mình.

Đôi chiếu với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Bộ luật dân sự năm 2015 nêu trên thì trường hợp ông Q dân tộc Kinh và bà N người dân tộc Mường, khi sinh là S ghi là dân tộc Mường nay ông bà có nguyện vọng muốn xác định dân tộc cho S là dân tộc Kinh thuộc trường hợp được yêu cầu xác định lại dân tộc. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 điều 29 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc xác định dân tộc cho người từ đủ 15 tuổi đến 18 tuổi phải được sự đồng ý của người đó.

Như vậy, trường hợp nêu trên ông Q và bà N không có quyền yêu cầu xác định lại dân tộc cho S đã 18 tuổi từ dân tộc Mường sang dân tộc Kinh, trừ trường hợp S là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Nếu trong trường hợp S không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì việc cơ quan có thẩm quyền từ chối yêu cầu của ông Q và bà N xác định lại dân tộc cho S với lý do chỉ có S mới được quyền yêu cầu việc đó hoặc phải có sự đồng ý của S là đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 20: Chị A được chồng đưa đến Trạm y tế xã để khám và điều trị vết thương ở tay và chân. Chồng của chị A khai báo với bác sỹ là vết thương do chị bị ngã khi đang làm đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thăm khám, bác sỹ B nghi ngờ chị A có dấu hiệu bị bạo lực gia đình. Trong trường hợp này bác sỹ phải làm gì? Giả sử sau khi được hỏi, chị A đã xác nhận bị chồng đánh dẫn đến thương tích thì bác sỹ B và Trạm y tế phải làm gì?

Trả lời:

- Theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 17 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khi nghi ngờ người bệnh có dấu hiệu của bạo lực gia đình, bác sỹ cần tiến hành hỏi sàng lọc để phát hiện nạn nhân bạo lực gia đình. Việc sàng lọc, phỏng vấn cần được thực hiện ở nơi riêng tư yên tĩnh (phòng hoặc buồng khám riêng), khi không có các thành viên trong gia đình để bảo đảm tính khách quan và an toàn khi cung cấp thông tin. Trường hợp người bệnh cấp cứu không thể tự trả lời phỏng vấn, việc phỏng vấn được tiến hành sau khi người bệnh đã được điều trị ổn định. Bác sỹ cũng cần phải thực hiện nguyên tắc bảo mật về các thông tin người bệnh tiết lộ trong quá trình sàng lọc, thăm khám, điều trị.

- Giả sử sau khi được hỏi, chị A xác nhận bị chồng đánh dẫn đến thương tích thì theo quy định tại Điều 29 Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022, Bác sỹ B có trách nhiệm báo cáo ngay cho Trạm trưởng Trạm y tế xã. Trạm trưởng Trạm y tế xã có trách nhiệm thông báo cho công an xã về việc chị A có dấu hiệu bị bạo lực gia đình để bảo vệ, xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cung cấp thông tin về tình trạng tổn hại sức khoẻ của chị A theo đề nghị của chị A hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 21: Do nghi ngờ vợ của mình là chị K ngoại tình, ông H đã có hành vi đuổi đánh và đe dọa chém chết chị K. Sau khi có đơn đề nghị của chị K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc đối với ông H. Tuy nhiên, sau khi có quyết định cấm tiếp xúc, ông H vẫn liên tục gọi điện cho chị K để chửi bới, đe dọa đánh và giết khiến chị K luôn bất an và hoảng loạn. Hành vi của ông H có vi phạm quyết định cấm tiếp xúc không? Trong trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải giải quyết như thế nào?

Giả sử, đang trong thời gian áp dụng quyết định cấm tiếp xúc thì mẹ của chị K chết. Ông H có được đến đám tang của mẹ vợ và tiếp xúc với chị K không?

Trả lời:

- Hành vi của ông H đã vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch UBND xã vì theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022, “Cấm tiếp xúc là biện pháp cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần người bị bạo lực gia đình hoặc sử dụng phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình”

Theo đó, người có hành vi bạo lực gia đình bị cấm tiếp xúc không chỉ là cấm đến gần người bị bạo lực gia đình. Mà còn bị cấm sử dụng phương tiện, công cụ (như điện thoại và các phương tiện khác) để thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

- Trường hợp ông H vi phạm quyết định cấm tiếp xúc thì theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022, ông H sẽ bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính để ngăn chặn bạo lực gia đình

- Trường hợp gia đình có việc tang, nếu muốn tiếp xúc với chị K, ông H cần phải thông báo với người được phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc và cam kết không để xảy ra bạo lực gia đình. (khoản 7 Điều 25 Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022)

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 22: A là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo. A đã tốt nghiệp Trung học cơ sở và muốn đi học nghề nhưng bố mẹ không đồng ý vì cho rằng chi phí học nghề rất tốn kém, gia đình không có khả năng chi trả. Hỏi: Nếu A học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì em sẽ được hưởng những chính sách hỗ trợ nào của nhà nước?

Trả lời:

A là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo nên nếu theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ được hưởng những chính sách hỗ trợ sau:

- Được miễn học phí đào tạo nghề (Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP)

- Được hưởng chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg như sau:

+ Được hưởng học bổng chính sách bằng 100% mức tiền lương cơ sở/tháng

+ Hỗ trợ một lần số tiền 1.000.000 đồng/khóa đào tạo để mua đồ dùng cá nhân như: chăn cá nhân, áo ấm (nếu cần), màn cá nhân, chiếu cá nhân, áo đi mưa và quần áo bảo hộ lao động theo nghề đào tạo;-

+ Hỗ trợ 150.000 đồng đối với học sinh, sinh viên ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán;

- Hỗ trợ mỗi năm một lần tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 300.000 đồng/năm (vì A ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

Ngoài ra, A còn được miễn lệ phí tuyển sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hưởng học bổng khuyến khích học tập theo quy định hiện hành đối với học sinh là người dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 23: Khi kiểm tra chuyên xe khách từ Hà Nội đi Cao Bằng, các chiến sĩ công an thấy vẻ mặt hai cô gái lo lắng, sợ sệt. Sau khi hỏi giấy tờ tùy thân, hai cô gái đều chỉ sang người đàn ông ngồi ngay hàng ghế bên dưới đội mũ lưỡi trai che gần hết mặt. Các chiến sĩ công an hỏi người đàn ông tại sao cầm giấy tờ của hai phụ nữ thì người đàn ông trả lời không quen biết hai phụ nữ và không cầm giấy tờ gì. Thấy nghi ngờ, chiến sĩ công an đã yêu cầu cả 3 người xuống xe và đưa về đồn công an để làm rõ. Qua khai thác tại đồn công an, người đàn ông thừa nhận đang dẫn hai cô gái cho hai người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ.

Hỏi: Hai phụ nữ có được xác định là nạn nhân bị mua bán người không? Căn cứ vào quy định nào của pháp luật?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

Một người được xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người khi họ là đối tượng của một trong những hành vi sau đây:

a) Mua bán người: Coi người như một loại hàng hóa để trao đổi bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để:

- Ép buộc bán dâm;

- Ép buộc làm đối tượng sản xuất băng, đĩa hình, sách, tranh, ảnh, lịch và những hình thức khác có nội dung tuyên truyền lối sống đồi trụy, khiêu dâm;

- Ép buộc biểu diễn cho người khác xem thân thể mình với mục đích kích động tình dục;

- Làm nô lệ tình dục;

- Cường bức lao động;

- Lấy các bộ phận cơ thể một cách bất hợp pháp;

- Ép buộc đi ăn xin;

- Ép buộc làm vợ hoặc chồng;

- Ép buộc đẻ con trái ý muốn của họ;

- Ép buộc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

- Vì mục đích vô nhân đạo khác.

c) Tuyền mộ, vận chuyển, chứa chấp người để thực hiện các hành vi quy định tại các Điểm a, b Khoản này hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

Như vậy, hai người phụ nữ được xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người (người đàn ông đưa họ sang Trung Quốc để ép làm vợ của người Trung Quốc).

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 24: Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, xã A là xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) của huyện X, tỉnh Y. Ủy ban nhân dân tỉnh Y phối hợp với Bộ Y tế triển khai Dự án vùng trồng dược liệu quý tại xã A nhằm bảo tồn và phát triển dược liệu quý của vùng, đồng thời tạo công ăn việc làm, phát triển kinh tế của người dân trong xã. Anh Tuấn là chủ cơ sở trồng và sơ chế dược liệu.

Hỏi: Cơ sở sản xuất của anh Tuấn được hỗ trợ những gì và mức hỗ trợ là bao nhiêu?

Trả lời:

Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Khoản 3, 4, 5 Điều 12 Thông tư 10/2022/TT-BYT).

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh nơi triển khai thực hiện dự án căn cứ vào hướng dẫn của từng địa phương đề nghị được hỗ trợ theo nội dung sau đây:

a) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

b) Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

c) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu.

d) Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

đ) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học, hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và thiết bị.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

g) Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

h) Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

i) Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

k) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

l) Nhà nước hỗ trợ chi phí sản xuất giống gốc và chi phí sản xuất giống thương phẩm đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao.

4. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ thực hiện dự án dược liệu quý từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

5. Mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC. Cụ thể:

- Chi mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ: Mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/01 người lao động, thời gian hỗ trợ tối đa 03 tháng/01 người lao động.

- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh: Hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức tối đa 50% tổng kinh phí của hoạt động và không quá 1.000 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng: Mức hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện, không quá 300 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ/kết quả nghiên cứu.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 126 triệu đồng/ha.

- Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, Nhà nước hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc, và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ Công thương.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 25: Anh X là người dân tộc Cờ Lao ở Hà Giang ký kết hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với Công ty xuất khẩu lao động Toàn Cầu trong thời hạn 02 năm. Để đáp ứng các yêu cầu của công việc tại nước ngoài, anh X phải học ngôn ngữ, học nghề và phải ký quỹ với công ty Toàn cầu cũng như nhờ công ty mua vé máy bay, chi phí đi lại... Do là người dân tộc thiểu số, gia đình lại thuộc diện hộ nghèo, đặc biệt khó khăn nên anh X không có tiền để chi trả các khoản kinh phí trên.

Hỏi: Anh X có được vay vốn để trang trải các chi phí để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không? Nếu có thì vay ở đâu và điều kiện và hồ sơ vay vốn như thế nào?

Trả lời:

Anh X được vay vốn để chi trả các khoản chi phí phục vụ việc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm quy định: Người lao động là người dân tộc thiểu số được vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều kiện và hồ sơ vay vốn được quy định tại Điều 40 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP như sau:

Người lao động có nhu cầu vay vốn ưu đãi để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi cư trú.

Hồ sơ vay vốn:

- Giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp;

- Bản sao giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số (Giấy khai sinh)

- Bản sao hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn của người lao động;
- Các giấy tờ có liên quan đến tài sản bảo đảm (đối với khoản vay trên 100 triệu – Khoản 14 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP).
- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 26: Vợ chồng ông Tận và bà Ly là người dân tộc La Chí sinh được hai người con đặt tên là Tận Mây và Tận Dìn. Tận Mây kết hôn với Vương Minh sinh được 02 người con; Tận Dìn kết hôn với Lùng Sinh sinh được 02 người con. Do vợ chồng ông Tận, bà Ly có nhiều gia súc và nương rẫy nên muốn một trong hai con của Tận Mây kết hôn với con Tận Dìn thì ông bà để lại toàn bộ tài sản cho hai cháu này.

Hỏi: việc kết hôn giữa con của Tận Mây và Tận Dìn theo mong muốn của ông bà Tận - Ly có đúng quy định pháp luật không? Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Nếu con của Tận Mây kết hôn với con của Tận Dìn hoặc không kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng là hành vi vi phạm pháp luật.

Điểm d Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cấm kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.

Con của Tận Mây và con của Tận Dìn được xác định là người có họ trong phạm vi ba đời (ông bà Tận Ly là đời thứ nhất); Tận Mây và Tận Dìn là đời thứ hai; con của Tận Mây, con của Tận Dìn là đời thứ ba (có quan hệ cận huyết với nhau). Do đó, việc kết hôn giữa con của Tận Mây và con của Tận Dìn bị pháp luật cấm bởi các bên có quan hệ huyết thống với nhau.

Hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân cận huyết, tùy tính chất và mức độ có thể bị xử lý bằng xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại Điểm a, điểm c Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng như sau:

- Hành vi cưỡng ép kết hôn bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.
- Hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người có họ trong phạm vi ba đời, bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

Nếu ông/bà Tận – Ly ép buộc các cháu của mình kết hôn với nhau, nếu đã bị xử phạt hành chính theo quy định trên mà vẫn tiếp tục ép các cháu phải kết hôn với nhau thì phạm vào tội cưỡng ép kết hôn quy định tại Điều 181 Bộ luật hình sự năm 2015, theo đó “Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cưỡng ép hoặc cản trở người khác ly hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm”.

Pháp luật nghiêm cấm việc kết hôn cận huyết thống bởi hôn nhân cận huyết dẫn đến một số tác hại sau:

- Con cái, trẻ em sinh ra từ các cặp vợ chồng có họ trong phạm vi ba đời có tỷ lệ dị dạng, dị tật cao hoặc nguy cơ mắc các bệnh: bạch tạng, mù màu, da vảy cá, tan máu bẩm sinh, máu trắng...

- Có nguy cơ suy thoái giống nòi.

- Làm đảo lộn các mối quan hệ trong gia đình, ảnh hưởng đến trật tự gia đình, truyền thống văn hóa của dân tộc.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 27: Hộ gia đình bà Lo là dân tộc Tà Ôi trồng được 05 héc ta cây keo và gọi thương lái vào mua. Sau khi hai bên đã thống nhất giá với phương thức thanh toán là cứ chặt xong 01 ha thì trả tiền số cây đã chặt. Tuy nhiên, thương lái đã chặt hết 03 ha mà không trả tiền. Bà Lo đòi tiền còn thương lái “khất nợ” và đề nghị được chặt hết 05 ha sẽ trả một thể. Nhưng bà Lo không đồng ý. Do đó hai bên xảy ra tranh chấp. Bà Lo không biết phải làm gì để có thể đòi được tiền từ thương lái, có người mách bà ra Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để được hỗ trợ.

Hỏi: Nếu bà đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thì có phải trả phí trợ giúp pháp lý không? Bà là người dân tộc thiểu số thì được hưởng quyền lợi gì?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 thì: Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý quy định 07 nhóm người được trợ giúp pháp lý, trong đó có người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2012 ngày 17/01/2012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số quy định như sau: Người dân tộc thiểu số được hưởng trợ giúp pháp lý phải là người thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hình thức trợ giúp pháp lý bao gồm: (i) Tham gia tố tụng; (ii) Tư vấn pháp luật; (iii) Đại diện ngoài tố tụng (Khoản 2 Điều 27 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017).

Như vậy, bà Lo là người dân tộc thiểu số Tà Ôi, nếu bà và gia đình cư trú (sinh sống) tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thì thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Khi thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý thì bà Lo không phải trả bất kỳ khoản phí nào liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý.

Điều 8 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định người được trợ giúp pháp lý có những quyền sau:

- Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.

- Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan.

- Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc trường hợp không được tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

- Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ngoài những quyền trên, người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý còn được hưởng các quyền tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2012 ngày 17/01/2012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số như sau:

- Người dân tộc thiểu số được trợ giúp pháp lý bằng tiếng của dân tộc mình trong trường hợp đối tượng yêu cầu hoặc không nói được tiếng Việt.

- Thủ tục hành chính, cách thức thực hiện trợ giúp pháp lý phải đơn giản, phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi đối với người dân tộc thiểu số tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 28: Chị Thị B mới bước qua tuổi 17 (dân tộc Khmer) sống chung với bố mẹ, so với bạn trang lứa chị Thị B có vẻ chững chạc và lớn hơn hẳn. Bố mẹ chị muốn chị sớm lập gia đình nên đã mai mối cho chị lấy anh Nguyễn Văn A (dân tộc Kinh) lớn hơn chị 7 tuổi làm chồng. Chị Thị B không đồng ý, chị và bố mẹ xảy ra mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình.

Hỏi: Trong trường hợp này nếu bố mẹ chị Thị B kiên quyết ép gã chị cho anh Nguyễn Văn A thì có vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình hay không? Nếu vi phạm thì bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về điều kiện kết hôn như sau:

1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình. Cụ thể:

- Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

- Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;
- Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;
- Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

Theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, quy định hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đủ tuổi kết hôn mặc dù đã có bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Như vậy, căn cứ các quy định tại nêu trên nếu bố mẹ chị Thị B vi phạm các quy định: chưa đủ tuổi kết hôn và điều kiện kết hôn là nữ phải từ đủ 18 tuổi trở lên; việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định. Ngoài ra, một trong những hành vi bị cấm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là cưỡng ép kết hôn. Nếu tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 29: Chị Y Rang và anh A Lên là người cùng làng tại xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. Năm 2015 theo phong tục tập quán ở làng người dân đi mai mối cho chị Y Rang và anh A Lên, mặc dù không có tình cảm nhưng vẫn phải chấp nhận lấy nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Linh. Sống với nhau được được thời gian thì anh A Lên thường xuyên dọa nạt, đánh đập chị Y Rang. Mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh A Lên không chịu thay đổi, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, đến nay chị Y Rang không thể tiếp tục cuộc sống này được nữa, nên muốn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh A Lên và chị Y Rang, vì tại thời điểm kết hôn chị Y Rang mới 15 tuổi.

Hỏi: Trong tình huống trên có thuộc trường hợp yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật không? Tòa án nào có thẩm quyền thụ lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật?

Trả lời:

Căn cứ khoản 6 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Kết hôn trái pháp luật là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình”.

Đồng thời tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định về điều kiện kết hôn như sau: Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

“Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; Không bị mất năng lực hành vi dân sự; Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014”.

Như vậy, căn cứ tình huống trên chị Y Rang và anh A Lên thuộc trường hợp hủy việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm về độ tuổi kết hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei có thẩm quyền thụ lý giải việc dân sự hủy việc kết hôn trái pháp luật nêu trên.

Khi phát hiện có con bò lạc vào đàn của nhà ông H. Ông H đã báo cho UBND xã biết để thông báo trên loa truyền thanh của xã, rồi đưa bò về nhà nuôi. Một tháng sau, ông B là chủ của con bò bị thất lạc đã đến gặp ông H để xin lại. Ông H đồng ý trả lại bò và đề nghị ông B phải thanh toán tiền công và các chi phí nuôi giữ con bò trong một tháng. Ông B không nhất trí thanh toán tiền công và trả chi phí nuôi giữ bò nên hai bên phát sinh mâu thuẫn.

Dựa vào quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành theo anh/chị ông B có phải thanh toán chi phí nuôi giữ bò cho ông H hay không?

Câu 30: Chương trình Mục tiêu quốc gia tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ gồm những dự án nào ?

Trả lời: “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025” gồm 10 dự án thành phần:

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết;

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc;

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em;

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em;

Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn;

Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 31: Nông Hoàng Anh, dân tộc Tày sinh sống tại địa huyện miền núi Bù Đốp là sinh viên năm nhất đang theo học tại Học viện Hành chính quốc gia, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Hỏi: Các chính sách tín dụng đối với học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi có hoàn cảnh khó khăn.

Trả lời:

Căn cứ Điều 84 Luật Giáo dục ghi nhận rằng: “Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất; điều kiện và thời hạn vay tiền để người học có điều kiện học tập. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động tín dụng giáo dục.”

Chương trình tín dụng đối với HSSV được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lần đầu tiên tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007, với mục tiêu sử dụng nguồn lực của Nhà nước để cung cấp tín dụng ưu đãi cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập, thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm không để HSSV nào phải bỏ học vì khó khăn về kinh tế.

Mức vay thời điểm năm 2007 là 800.000 đồng/HSSV, với mức vay này tại thời điểm năm 2007 sẽ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu của HSSV.

Qua 12 năm thực hiện Chương trình, Bộ GDĐT cùng với các bộ, ngành và Ngân hàng CSXH đã liên tục tham mưu Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay dựa trên khả năng cân đối nguồn ngân sách.

Năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1656/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay đối với HSSV từ mức 1,5 triệu/tháng/HSSV lên mức 2,5 triệu/tháng/HSSV, mức này có thể đáp ứng được 50% nhu cầu của HSSV.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 32: Chị M là cán bộ nữ hoạt động rất tích cực, luôn tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhưng bị chồng gạt đi với lý do: “Là đàn bà con gái, lại là người dân tộc thiểu số, ai cho tham gia quản lý nhà nước. Thôi ở nhà làm nương rẫy là đủ rồi”. Chị M băn khoăn không biết pháp luật quy định như thế nào về quyền bình đẳng trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội?

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, mọi công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, có quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật, có quyền giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước...

Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.

2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.

3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”.

Cũng theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Hiến pháp năm 2013 thì công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền

ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Nhà nước ban hành Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định cách thức thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân của công dân.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 33: Vàng A Vư sinh năm 2000, nơi thường trú tại xã A (xã biên giới), huyện B, tỉnh C, Vư muốn qua biên giới sang thăm thân nhân tại xã X, huyện Y, tỉnh Z nhưng Vư không có Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới nên Vư đã mượn giấy thông hành của anh trai mình là Vàng A Sử sinh năm 2002, nơi thường trú tại xã A (và được sự đồng ý) để làm thủ tục xuất cảnh tại Cửa khẩu phụ D thuộc xã A thì bị cán bộ Biên phòng phát hiện. Hỏi: Hành vi của Vư và Sử bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

- Hành vi của Vư và Sử là hành vi vi phạm pháp luật (Hành chính), mức phạt từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng và bị tịch thu giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh biên giới.

- Cơ sở pháp lý:

+ Hành vi “*sử dụng giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới của người khác để qua lại biên giới*” quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ*), mức phạt từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng, hình thức xử phạt bổ sung: “*Tịch thu giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới*” quy định tại điểm b khoản 11 Điều này.

+ Hành vi “*cho người khác sử dụng giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới để qua lại biên giới*” quy định tại điểm e khoản 5 Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ*), mức phạt từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng, hình thức xử phạt bổ sung: “*Tịch thu giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới*” quy định tại điểm b khoản 11 Điều này.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 34: Trong một lần đi làm từ thiện cho các em nhỏ vùng cao thuộc xã X (địa bàn biên giới), huyện C, tỉnh HL, Minh cùng đoàn từ thiện được các cán bộ Đoàn biên phòng X dẫn lên tham quan Cột mốc biên giới. Trên đường lên Cột mốc (thuộc địa bàn xã X) Minh nhìn thấy một khu vực có cắm biển “vùng cấm” vì tò mò và muốn có ảnh làm kỷ niệm nên Minh đã có ý định dùng điện thoại để chụp ảnh, thì bị cán bộ Biên phòng nhắc nhở việc cấm quay phim, chụp ảnh tại

khu vực này. Hỏi: Nếu Minh chụp ảnh tại khu vực này thì có vi phạm pháp luật hay không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

- Nếu Minh chụp ảnh tại khu vực trên sẽ vi phạm pháp luật (hành chính).
- Mức phạt đối với hành vi trên là phạt tiền từ 2.000.000 - 3.000.000 đồng và bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chiếc điện thoại di động.

- Cơ sở pháp lý:

+ Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “*Cấm quay phim, chụp ảnh, ghi âm, đo, vẽ cảnh vật ở những nơi có biển cấm trong khu vực biên giới đất liền*”.

+ Điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ*), mức phạt 2.000.000 - 3.000.000 đồng đối với hành vi: “*Quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình trái phép bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện trong vùng cấm*”. Ngoài ra, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: “*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*” quy định tại điểm a, khoản 11 Điều này.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Câu 35: Ngày 30/6/2023, Điều Thịnh sinh năm 1991, trú tại xã X, huyện Y (địa bàn biên giới) xuất cảnh sang Campuchia qua cửa khẩu QL bằng giấy thông hành để làm thuê. Vì công việc không ổn định, ngày 01/8/2023 Thịnh quay về Việt Nam. Quá trình làm thủ tục nhập cảnh tại Cửa khẩu, lực lượng chức năng phát hiện trong ba lô của Thịnh mang trên người có 7,3 kg pháo nổ, Thịnh khai nhận số pháo trên được Thịnh mua khi làm thuê ở Lào với mục đích mang về sử dụng trong dịp tết.

Hỏi: Hành vi của Điều Thịnh có bị truy cứu trách nhiệm hình sự không? Nếu có thì mức phạt cao nhất đối với hành vi trên là như thế nào?

Trả lời:

- Hành vi của Thịnh là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Mức phạt cao nhất đối với hành vi trên là 03 năm tù.

- Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 “tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm” Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm là pháo nổ “*từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam*” thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024

BẢNG CHẤM ĐIỂM PHẦN THI CHÀO HỎI

Thời gian tối đa để thể hiện phần thi là 05 phút (Không kể thời gian chuẩn bị, thời gian chuẩn bị không quá 30 giây)
(Theo thứ tự bốc thăm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tối đa (20 điểm)			Điểm trừ (Mỗi 20 giây quá thời gian trừ 01 điểm)	Tổng điểm	Nhận xét
		Nội dung đúng theo yêu cầu (10 điểm)	Diễn xuất hay, hấp dẫn (05 điểm)	Trang phục, đạo cụ đẹp, phù hợp (05 điểm)			
1							
2							
3							
4							

5							
6							
7							
8							
9							
10							

GIÁM KHẢO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024

BẢNG CHẤM ĐIỂM PHẦN THI TRẮC NGHIỆM KIẾN THỨC
(Theo thứ tự bốc thăm)

STT	Tên đơn vị	Điểm chấm cho từng câu hỏi (Mỗi câu trả lời đúng được 04 điểm, trả lời sai không được điểm)					Tổng điểm thi đạt	Ghi chú
		Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5		
1								
2								
3								
4								
5								
6								

7								
8								
9								
10								

GIÁM KHẢO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024

BẢNG CHẤM ĐIỂM PHẦN THI XỬ LÝ TÌNH HUỐNG
Tối đa 03 phút không kể thời gian hội ý. Sau khi người dẫn chương trình nêu câu hỏi tình huống,
các đội có 60 giây hội ý và cử người trả lời.
(Theo thứ tự bốc thăm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tối đa (20 điểm)		Điểm trừ (Mỗi 10 giây quá thời gian bị trừ 01 điểm)	Tổng điểm	Nhận xét
		Trả lời đúng, đủ ý (15 điểm)	Liên hệ thực tế địa phương phù hợp với câu hỏi được (05 điểm)			
1						
2						
3						
4						

5						
6						
7						
8						
9						
10						

GIÁM KHẢO
(Ký, ghi rõ họ tên)

5								
6								
7								
8								
9								
10								

GIÁM KHẢO
(Ký, ghi rõ họ tên)

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Danh bàn	21	
2	Bảng tên cầm tay dẫn đoàn	10	
3	Cờ lưu niệm	10	
4	Giấy chứng nhận	29	
5	Phông chính chiếu Led	1	
6	Phông chụp hình ở sảnh	1	
7	Băng rôn chào mừng	2	
8	Cờ giải toàn đoàn	6	
9	Tên đơn vị để bàn phần thi trắc nghiệm, trả lời tình huống	10	
10	Thẻ đeo Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ thư ký	25	
11	Số báo danh thí sinh	200	

**BẢNG TÊN CẦM TAY DẪN ĐOÀN
10 ĐỘI THI
MÔ TẢ: Bảng In decal dán form
Chiều cao 110 cm**



10 Cờ lưu niệm kích thước 30 x 40 (CM)

BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC



BAN TỔ CHỨC

**HỘI THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ
LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC**

NĂM 2024 - 2025

Lưu niệm

MAKET GIẤY CHỨNG NHẬN
4 (phần thi) X 7 (chứng nhận/phần) + giải phụ = 29 chứng nhận
Kích thước A4

BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC



BAN TỔ CHỨC

HỘI THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC
CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2024 - 2025

CHỨNG NHẬN

ĐƠN VỊ:

.....
.....

PHẦN THI CHÀO HỎI
ĐẠT GIẢI NHẤT

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024

TM. BAN TỔ CHỨC

Nguyễn Lương Nhân
PHÓ TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

MAKET PHÒNG CHÍNH CHIẾU LED

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN DÂN TỘC



HỘI THI

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC
CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2024 - 2025

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024

**MAKET CHỤP HÌNH
IN BẠT KÍCH THƯỚC 5 X 4M
Thảm đỏ, chân hoa**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN DÂN TỘC**

HỘI THI

**TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC
CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2024 - 2025**

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024



**BĂNG RÔN CHÀO MỪNG
02 BĂNG RÔN**

**CHÀO MỪNG QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU, CÁC ĐỘI THI VỀ THAM DỰ HỘI THI
TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC
NĂM 2024 - 2025**

**CHÀO MỪNG QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU, CÁC ĐỘI THI VỀ THAM DỰ HỘI THI
TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC
NĂM 2024 - 2025**

**Cờ giải Toàn đoàn : Kích thước cờ: 60 x 80 (CM)
01 Nhất**

BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC



BAN TỔ CHỨC

**HỘI THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC
NĂM 2024 - 2025**

TẶNG

GIẢI NHẤT TOÀN ĐOÀN

01 Nhì

BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC



BAN TỔ CHỨC

HỘI THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC
NĂM 2024 - 2025

TẶNG

GIẢI NHÌ TOÀN ĐOÀN

01 Ba

BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC



BAN TỔ CHỨC

**HỘI THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC
NĂM 2024 - 2025**

TẶNG

GIẢI BA TOÀN ĐOÀN

03 Khuyến khích

BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC



BAN TỔ CHỨC

HỘI THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC
NĂM 2024 - 2025

TẶNG
KHUYẾN KHÍCH TOÀN ĐOÀN